

đến cùng chư Thiên giao đấu. Các ngài nên cùng chúng tôi trợ lực đánh họ khiến cho tan tác”. Tứ thiên vương nghe Thường túy nói, liền trang bị, cầm các loại binh khí, cưỡi xe ra đi... *cho đến* thua chạy, không thể hàng phục. Khi ấy Tứ thiên vương liền đến hội trường Thiện pháp đường của chư Thiên, tâu trình với Đế-thích thế này: “Thiên vương nên biết, các A-tu-la nay đã tụ tập muốn cùng chư Thiên giao chiến. Cần phải đến đó đánh chúng”. Khi ấy trời Đế-thích nghe Tứ thiên vương nói vậy rồi, chấp thuận, bèn gọi một vị trời tên Ma-na-bà bảo: “Thiên tử, hãy đến đây! Nay ngươi đi đến các Thiên vương Dạ-ma, sang Đâu-suất-đà, Hóa lạc, Tha hóa tự tại...; đến nơi rồi, thay lời ta tâu rằng: “Chư Thiên quý ngài, chắc quí ngài đã biết, các A-tu-la muốn đánh chư Thiên. Quý ngài nên trợ giúp chúng tôi, cùng chúng tôi đến đánh A-tu-la”. Khi ấy Ma-na-bà nghe lời Đế-thích rồi, liền đến các trời Dạ-ma... tâu trình đầy đủ sự việc. Bấy giờ Thiên vương Dạ-ma nghe Thiên sứ Ma-na-bà của Đế-thích nói xong, trong lòng liền nghĩ đến chúng chư Thiên Dạ-ma. Khi ấy, Thiên chúng biết Thiên vương nghĩ đến mình rồi, họ liền mang các loại áo giáp, binh khí, cưỡi lên các loại xe trời săn có, cùng đi đến chỗ Thiên vương. Đến nơi, tất cả đều dừng lại ở trước. Khi ấy Thiên vương Dạ-ma thân mang các thứ áo giáp cõi trời, tay cầm binh khí báu cùng vô lượng trăm ngàn vạn các Thiên tử vây quanh nhắm đến phía Đông đỉnh núi chúa Tu-di-lưu hạ xuống, dựng cờ “nan hàng” thuần một màu xanh trên ngọn núi. Bấy giờ Thiên sứ Ma-na-bà lại đi đến chỗ Thiên vương Đâu-suất-đà. Đến nơi, tâu với Thiên vương Đâu-suất-đà thế này: “Xin ngài biết cho, Thiên vương Đế-thích có lời tâu bày rằng: “Bọn A-tu-la muốn đánh chư Thiên. Xin ngài đến hỗ trợ chúng tôi đến đó ra sức chiến đấu”. Thiên vương Đâu-suất-đà nghe rồi, liền nghĩ đến các chúng Thiên tử. Họ biết rồi đều đến hết, tụ tập bên Đại thiên vương Đâu-suất-đà. Đến nơi, liền chuẩn bị, cầm binh khí, cưỡi các thứ xe, cùng vây quanh, hạ xuống ở phía Nam núi chúa Tu-di-lưu, với vô lượng trăm nghìn vạn chúng tụ hội, dựng cờ “nan hàng” màu vàng ở trên ngọn núi. Bấy giờ Thiên sứ Ma-na-bà lại đến Thiên vương Hóa lạc tâu rằng: “Tâu Thiên vương Hóa lạc, xin ngài biết cho, vua Đế-thích có lời thế này: “Bọn A-tu-la muốn đánh chư Thiên”... *tâu trình như trước... cho đến* Thiên vương ấy cùng với vô lượng số trăm ngàn vạn chư Thiên tử đến, ai

cũng trang bị áo giáp, cưỡi đủ các loại xe, xuống đến phía Tây núi Tu-di-lưu, dựng cờ “nan hàng” màu đỏ, ở trên ngọn núi. Cũng như thế, lên tâu với chư Thiên tử Tha hóa tự tại... *tất cả đều như trên...* Khi ấy Thiên chúng trang bị cầm binh khí, gấp đôi trời Hóa lạc, cùng vô lượng trăm Thiên tử, vô lượng ngàn Thiên tử, vô lượng trăm ngàn Thiên tử vây quanh, hạ xuống phía Bắc núi chùa Tu-di-lưu, dựng cờ “nan hàng” màu trắng ở trên ngọn núi.

Bấy giờ Đế-thích thấy chư Thiên đã vân tập đông đủ, tâm nghĩ đến các Dạ-xoa trên không trung. Khi ấy chúng Dạ-xoa trên hư không đều nói: “Thiên vương Đế-thích đã nghĩ đến chúng ta”. Biết như vậy rồi, họ liền bão nhau mặc giáp, cầm trượng, trang bị đầy đủ; đã trang bị rồi, cưỡi lên các thứ xe, đi đến trước trời Đế-thích, đứng sang một bên. Khi ấy trời Đế-thích lại nghĩ đến các Tiểu thiên vương và quyến thuộc trời Tam thập tam. Khi biết như vậy rồi, tất cả đều mặc giáp, trang bị vũ khí, cưỡi các loại xe đến trước Thiên vương. Khi ấy Đế-thích tự mặc các loại áo giáp và cầm binh khí, cưỡi các thứ xe, cùng Dạ-xoa trên không và các tiểu vương Tam thập tam thiên, sau trước vây quanh, ra khỏi thiên cung cùng A-tu-la đánh nhau.

Chư Tỳ-kheo, bấy giờ, khi chư Thiên cùng A-tu-la đánh nhau, có những loại vũ khí màu sắc như thế này, đó là đao, tên, giáo, côn, vồ, chày, tên nhọn kim cang, tên điện, tên tạc, tên thốc, tên độc xỉ, tên ca-lăng-già diệp thốc, tên vi tế thốc, tên nõ, những vũ khí như thế nhiều màu đẹp đẽ, do bảy báu tạo thành, đó là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, hồng ngọc, xa cừ, mã não... dùng những cây trượng ấy, từ xa phóng đến thân A-tu-la, không dính, không hại, lơ lửng lướt qua thân bọn chúng, lại cũng chẳng thấy thương tích, chỉ có xúc chạm vào là chịu thống khổ.

Chư Tỳ-kheo, khí giới mà A-tu-la có trong khi cùng trời đánh nhau, sắc loại cũng tương tự, cùng một loại bảy báu tạo thành, khi dính phải, lướt qua cũng không có dấu vết, chỉ do nhân duyên xúc chạm là chịu thống khổ.

Chư Tỳ-kheo, chư Thiên cõi Dục khi cùng với A-tu-la đánh nhau, còn có các loại vũ khí màu sắc như thế, huống là bọn người thế gian.



KHỎI THẾ NHÂN BỐN

QUYẾN IX

Phẩm 10: KIẾP TRỤ

Chư Tỳ-kheo, thế gian có ba loại trung kiếp. Những gì là ba? Một là trung kiếp đao trượng, hai là trung kiếp cơ cẩn, ba là trung kiếp tật dịch. Thế nào gọi là trung kiếp đao trượng?

Chư Tỳ-kheo, trung kiếp đao trượng là con người thời ấy, không có chánh hạnh, chẳng nói như pháp, tà kiến điên đảo, làm đủ mười nghiệp bất thiện. Chúng sanh khi ấy chỉ thọ mười tuổi.

Chư Tỳ-kheo, khi con người thọ mười tuổi thì con gái sanh ra năm tháng đã lấy chồng, giống như ngày nay mười lăm tuổi đã lấy chồng. Chất đất ngày nay có tô du, sanh tô, đường tảng, đường cát, gạo thơm. Nhưng đến thời ấy, tất cả đều tiêu mất, chẳng sanh ra nữa. Khi con người thọ mười tuổi, dùng toàn loại lông thô của loài dê đen làm y phục, giống như loại áo Ca-thi-ca-kiều-xà-da, áo Sô-ma-tăng, áo Độ-cứu-la, áo Câu-lộ-ma-ta, áo Kiếp bối, áo Cam-bà-la bảo ngày nay, rất đẹp đẽ. Loại áo lông thô đó, cũng giống như vậy. Vào lúc ấy, con người chỉ ăn hạt cỏ, giống như gạo thơm ngày nay. Lại được cha mẹ thương yêu chỉ nguyện được mười tuổi, cho đó là thượng thọ. Như con người thời nay mong sống một trăm tuổi.

Chư Tỳ-kheo, lúc con người thọ mười tuổi, có chúng sanh bất hiếu cha mẹ, không kính Sa-môn và Bà-la-môn, chẳng kính bậc Trưởng thượng. Nhưng những bậc này cũng được người khác cúng dường, khen ngợi, tôn trọng, giống như danh dự của người tu hành giáo pháp ngày nay không khác. Vì sao? Vì nghiệp của họ là như vậy.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, lúc con người thọ mười tuổi, không có tên thiện, cũng không có người tu hành mươi điều thiện, phần nhiều, hầu hết đều làm điều ác. Chúng sanh thấy nhau, ai cũng sanh tâm giết hại, không còn lòng thương yêu, giống như thợ săn ngày nay ở trên núi, hoặc đầm vắng thấy các loài cầm thú chỉ khởi tâm giết hại.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, ở vào thời ấy, đồ trang sức Anh lạc đeo trên thân người đều là đao trượng, giống như tràng hoa, bông tai, vòng cổ, xuyến, nhẫn, trâm trang điểm trên thân ngày nay, cùng loại không khác.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, vào thời ấy, trung kiếp sắp hết, trong vòng bảy ngày, tay chạm vào bất cứ vật gì, hoặc cỏ, hoặc cây, đất cục, ngói, đá, tất cả vật ấy đều biến thành đao trượng, mũi rất bén nhọn, hơn người chế tạo. Trong vòng bảy ngày, mọi người giànhanh lấy để giết hại nhau. Tất cả đều tàn sát nhau, khi mang chung đều rơi vào các đường ác, chịu khổ địa ngục. Vì sao? Vì họ đối với nhau sanh tâm sát hại, tâm ôtrược, tâm ác, tâm không lợi ích, tâm không từ bi, tâm không trong sạch. Chư Tỳ-kheo, như vậy gọi là trung kiếp đao trượng.

Chư Tỳ-kheo, thế nào gọi là trung kiếp cơ cẩn (đói khát)?

Chư Tỳ-kheo, vào thời kỳ trung kiếp đói khát, mọi người đều không có pháp tu hành, tà kiến, điên đảo, làm đủ mươi nghiệp bất thiện. Vì vậy, trời không mưa. Vì không có mưa nên đói đói khát, không có hạt giống, nhặt xương để sinh sống; lấy vỏ cây nuôimạng.

Thế nào gọi là nhặt xương để sinh sống?

Chư Tỳ-kheo, lúc đói khát, mọi người, hoặc ra ngã tư đường, hoặc đường hẻm, thành quách, khắp các đạo lộ, thâu nhặt xương người, đổ nước đun sôi, lấy nước mà uống để nuôimạng. Vì vậy gọi là nhặt xương để sinh sống. Thế nào gọi là bóc vỏ nuôimạng?

Chư Tỳ-kheo, vào thời kỳ đói khát, mọi người vì quá đói nên bóc lấy vỏ cây, đổ nước đun sôi mà uống để nuôimạng. Vì vậy gọi là bóc vỏ nuôimạng.

Chư Tỳ-kheo, chúng sanh khi ấy bị đói khát chết rồi đều sanh vào các đường ác, hoặc đọa vào trong chốn Diêm-la, gọi là ngạ quỷ, vì bọn họ xan tham tật đố, sợ các vật hết, giành nhau cất giấu. Chư

Tỳ-kheo, vì vậy cho nên gọi là trung kiếp đói khát.

Chư Tỳ-kheo, thế nào gọi là trung kiếp dịch bệnh?

Chư Tỳ-kheo, con người khi ấy cũng muốn thực hành pháp, muốn nói như pháp, cũng muốn thực hiện sự hiểu biết không điên đảo, muốn thực hành đầy đủ mười điều thiện. Nhưng vào thời ấy, các người làm như pháp vì quá khứ không làm mười nghiệp thiện để vượt thăng quả báo nên đến nỗi khiến loài phi nhân phóng, xả khí tai ương, dịch bệnh hoành hành. Lúc đó có nhiều người mạng chung.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong thời kỳ dịch bệnh, lại có loài phi nhân ở thế giới khác đến nơi này gây dịch bệnh. Vì sao? Vì họ phóng dật, làm việc phóng dật, cũng lại tiếp xúc với điều ác cho nên tâm họ bị náo loạn, họ bị đoạt mất oai lực. Trong đó, có nhiều người phước mỏng, bị bệnh mạng chung. Thí như quốc vương, hoặc đại thần của vua giữ gìn thần dân, ở địa đầu đất nước, bố trí quân lính tuần canh. Bấy giờ phương khác có đạo tặc đến, vì lính tuần canh không cẩn thận, vì chែn mảng nên bị giặc cướp nhất thời chém giết, hoặc phá nhà cửa, hoặc hủy thôn xóm, hoặc phá làng mạc, hoặc hủy quốc thành. Cũng giống như vậy, con người lúc ấy phóng dật nên phi nhân phương khác đến gây dịch bệnh, mạng chung hết cả, cũng lại như vậy. Lại nữa, vào lúc ấy, phi nhân phương khác khi đến gây dịch bệnh, tuy các chúng sanh không hành phóng dật nhưng loài quỷ ấy quá mạnh, cương hại bức bách, cho họ tiếp xúc cái xấu ác, làm tâm họ bấn loạn, đoạt mất oai lực; trong đó có nhiều người ngộ bệnh mạng chung. Thí như nhà vua hoặc đại thần của vua vì để bảo vệ các tụ lạc nên bố trí, trấn giữ. Trong khi đó, giặc cướp phương khác đến xâm phạm quá nhiều. Tuy sự trấn giữ không chែn mảng, phòng hộ cẩn trọng nhưng giặc kia quá mạnh, cương hại bức bách, người ở đó cùng lúc bị giết hại, hoặc bị phá hủy nhà cửa thôn xóm làng mạc... nói lược như trên, cũng như thế.

Chư Tỳ-kheo, ở trong kiếp dịch bệnh, con người ngộ bệnh, đau đớn mạng chung cũng như vậy. Sau khi mạng chung, họ đều được sanh lên các cõi trời. Vì sao? Vì họ không có tâm hại nhau, tâm không loạn động, tâm có lợi ích, tâm từ, tâm tịnh; khi sắp mạng chung họ hỏi thăm nhau: “Bệnh của bạn có thể chịu đựng chăng? Ít bị

tổn hại chứ? Có ai thoát chăng? Có ai khỏi chăng? Có ai bị bệnh gì khác chăng?" Chư Tỳ-kheo, do ý nghĩa đó, họ được sanh lên cõi trời. Vì vậy gọi là trung kiếp dịch bệnh.

Chư Tỳ-kheo, đó là ba thứ trung kiếp của thế gian.

**
*

PHẨM 11: TRỤ THẾ

Chư Tỳ-kheo, trong thế gian, có bốn cái vô lượng chẳng thể lường được, chẳng thể cân được, chẳng thể nghĩ bàn được. Hoặc trời, hoặc người, những vị toán số trong đời, muốn nắm được số lượng ấy là bao nhiêu năm, bao nhiêu trăm năm, bao nhiêu ngàn năm, bao nhiêu trăm ngàn năm, bao nhiêu ức năm, bao nhiêu trăm ức năm, bao nhiêu ngàn ức năm, bao nhiêu trăm ngàn ức năm, cũng không bao giờ được. Bốn điều ấy là gì

Chư Tỳ-kheo, đó là sự tồn tại của thế giới. Điều này chẳng thể tính toán mà biết được là bao nhiêu năm, bao nhiêu trăm năm, bao nhiêu ngàn năm, bao nhiêu trăm ngàn năm, bao nhiêu ức năm, bao nhiêu trăm ức năm, bao nhiêu ngàn ức năm, bao nhiêu trăm ngàn ức năm.

Chư Tỳ-kheo, sự hoại diệt của thế giới sau khi tồn tại cũng chẳng thể tính đếm mà biết được là bao nhiêu năm, bao nhiêu trăm năm, bao nhiêu ngàn năm, bao nhiêu trăm ngàn năm, bao nhiêu ức năm, bao nhiêu trăm ức năm, bao nhiêu ngàn ức năm, bao nhiêu trăm ngàn ức năm.

Chư Tỳ-kheo, sự hình thành của thế giới sau khi hoại diệt, điều này cũng chẳng thể tính toán mà biết được là bao nhiêu năm, bao nhiêu trăm năm, bao nhiêu ngàn năm, bao nhiêu trăm ngàn năm, bao nhiêu ức năm, bao nhiêu trăm ức năm, bao nhiêu ngàn ức năm, bao nhiêu trăm ngàn ức năm.

Chư Tỳ-kheo, thế giới tồn tại sau khi hình thành, điều này cũng chẳng thể tính đếm mà biết được là bao nhiêu năm, bao nhiêu trăm năm, bao nhiêu ngàn năm, bao nhiêu ức năm, bao nhiêu trăm ức năm, bao nhiêu ngàn ức năm, bao nhiêu trăm ngàn ức năm.

Chư Tỳ-kheo, đây gọi là bốn thứ vô lượng, chẳng thể lường được, chẳng thể cân được, chẳng thể nghĩ bàn được, chẳng thể tính đếm được, hoặc trời hoặc người, không có ai tính đếm mà có thể biết được là bao nhiêu trăm ngàn vạn năm, bao nhiêu trăm ngàn vạn ức năm.

Chư Tỳ-kheo, ở phương Đông cõi này, có các thế giới chuyển biến trụ và hoại, không có thời gian ngừng nghỉ; hoặc có thế giới chuyển thành, chuyển trụ, chuyển hoại.

Chư Tỳ-kheo, phương Nam, Tây Bắc, việc chuyển thành, chuyển trụ, chuyển hoại, cũng lại như vậy.

Chư Tỳ-kheo, thí như bánh xe có năm bộ phận, trừ trục ra, xoay chuyển không ngừng, không có thời gian tạm nghỉ, *nói lược như trên*. Lại như cơn mưa mùa hạ, hạt mưa to, nối nhau rơi xuống không có gián đoạn. Cũng như phương Đông, sự chuyển thành, trụ, hoại của các phương Nam, Tây, Bắc không có lúc dừng nghỉ, cũng lại như thế.

Chư Tỳ-kheo, ở trong khoảng thời gian ấy, lại có ba tai họa. Ba họa ấy là gì? Một là tai họa về lửa, hai là tai họa về nước, ba là tai họa về gió. Trong thời gian bị tai họa về lửa, chư Thiên Quang âm khỏi bị tai họa ấy; thời kỳ tai họa về nước, chư Thiên Biển tịnh khỏi bị tai họa ấy. Thời kỳ tai họa về gió, chư Thiên Quang quả khỏi bị tai họa ấy.

Thế nào là tai họa về lửa? Chư Tỳ-kheo, thời kỳ tai họa về lửa, các chúng sanh có làm việc lành, nói năng như pháp, thành tựu chánh kiến không có điên đảo, thực hiện đầy đủ mười nghiệp thiện, đắc tầng thiền thứ hai Vô giác quán mà không dụng công tu, tự nhiên chứng đắc. Bấy giờ bọn chúng sanh ấy dùng sức thần thông, trụ trên hư không, trụ các cõi tiên, trụ các cõi trời, trụ cõi phạm hạnh. Trụ như vậy rồi, họ hưởng thọ cái vui Vô giác quán của tầng thiền thứ hai, chứng biết như vậy, thành tựu đầy đủ, thân hoại liền sanh cõi trời Quang âm. Chúng sanh cõi Địa ngục, chúng sanh cõi Súc sanh, cõi Diêm-ma-la, cõi A-tu-la, cõi Tứ thiên vương, trời Tam thập tam, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại và trời Ma thân cho đến Phạm thế, các chúng sanh sanh vào Nhân gian đều thành tựu Vô giác vô quán, chứng biết an lạc. Khi thân hoại, liền sanh cõi trời Quang âm. Tất cả sáu đường đều chấm dứt. Đó gọi là thế gian chuyển tận.

Chư Tỳ-kheo, thế nào gọi là thế gian trụ rồi chuyển hoại?

Chư Tỳ-kheo, vào thuở đó, thời gian lâu xa vô lượng, thiên hạ hạn hán, không mưa. Tất cả cỏ cây đều khô cháy chẳng mọc lại. Thí như cỏ lau cắt khi còn non, không có nước mưa, khô cháy mục nát,

không thể mọc lại. Cũng như vậy, chư Tỳ-kheo, trời lâu không mưa, tất cả cỏ cây đều khô cháy.

Chư Tỳ-kheo, tất cả các hành cũng vậy, vô thường, chẳng tồn tại lâu dài, không bền chắc, không tự tại, là pháp phá hoại, nên chán bở, nên cầu giải thoát.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, vào thời ấy, có gió lớn Ca-lê-ca thổi tám vạn bốn ngàn do-tuần nước biển lớn giật ra, rồi ở dưới liền xuất hiện cung điện mặt trời, thổi mặt trời lên khỏi biển đặt ở lưng chừng núi chúa Tu-di-lưu, cách bốn vạn hai ngàn do-tuần, trong quỹ đạo mặt trời.

Chư Tỳ-kheo, đây gọi là mặt trời thứ hai xuất hiện ở thế gian. Các ao, hồ, sông, ngòi nhỏ, tất cả đều khô cạn, không còn cái nào.

Chư Tỳ-kheo, tất cả các hành đều vô thường... *nói lược như trên*... cầu thoát khỏi.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo,... *nói lược như trên*... gió lớn thổi nước biển, xuất hiện cung điện mặt trời, đặt ở quỹ đạo mặt trời. Đó là mặt trời thứ ba xuất hiện ở thế gian. Tất cả các ao lớn, hồ lớn, sông lớn và vô số tất cả sông lớn đều khô cạn, không còn cái nào. Các hành cũng vậy...

Và như thế, mặt trời thứ tư xuất hiện ở thế gian, các sông và ao hồ lớn như ao lớn Thiện hiên, ao lớn A-na-bà-đạt-đa, ao lớn Mạn-đà-kỳ-ni, ao lớn Xà mãn thảy đều khô cạn, không còn cái nào. Các hành cũng thế...

Và cũng như thế, mặt trời thứ năm xuất hiện ở thế gian, nước biển lớn dần dần khô cạn, lúc đầu với bằng mắt cá, rồi với dần cho đến độ với bằng tói đầu gối, rồi với nữa cho đến nửa thân, rồi một thân, rồi hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy thân... rồi với đến khô cạn.

Chư Tỳ-kheo, lúc năm mặt trời xuất hiện, nước biển lớn với dần... từ nửa cây Đa-la, cho đến một cây Đa-la, hoặc hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy cây Đa-la,... với đến nửa câu-lô-xá, hoặc một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy câu-lô-xá, cho đến với nửa do-tuần, hoặc hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy do-tuần, cho đến một trăm do-tuần, hoặc hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy trăm do-tuần...

Chư Tỳ-kheo, lúc mặt trời xuất hiện, nước biển lớn với một ngàn do-tuần, cho đến hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy ngàn do-tuần...

Chư Tỳ-kheo, lúc mặt trời xuất hiện ở thế gian, nước biển lớn

vơi cho đến lúc còn lại bảy ngàn do-tuần, hoặc xuống còn sáu, năm, bốn, ba, hai, một ngàn do-tuần. Cứ như vậy cho đến lúc mực nước còn lại bảy trăm do-tuần, hoặc xuống còn sáu, năm, bốn, ba, hai, một trăm do-tuần, hoặc mực nước còn bảy do-tuần, hoặc còn lại sáu, năm, bốn, ba, hai, một do-tuần. Rồi mặt nước vơi dần, còn lại bảy câu-lô-xá, cho đến mực nước còn lại cho đến sáu, năm, bốn, ba, hai, một câu-lô-xá.

Chư Tỳ-kheo, trong thời kỳ năm mặt trời xuất hiện ở thế gian, nước biển lớn kia, sâu còn bảy cây Đa-la, hoặc còn lại sáu, năm, bốn, ba, hai, một cây Đa-la; hoặc mực nước còn lại độ sâu bằng bảy người, hoặc mực nước còn lại sáu, năm, bốn, ba, hai, một người, hoặc nửa người, hoặc đến đầu gối, cho đến mắt cá. Lại trong thời kỳ năm mặt trời, nước trong biển lớn còn sót lại chút ít như chút ít nước trong dấu chân trâu khi mưa thu không khác. Thời kỳ năm mặt trời, nước trong biển lớn kia cũng lại như thế.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong thời kỳ năm mặt trời, trong biển lớn kia, ở tất cả nơi, cho đến nước bùn cũng không còn.

Chư Tỳ-kheo, tất cả các hành cũng lại như thế, vô thường không dài lâu, tạm thời thoáng chốc... *nói lược cho đến*, đáng nhảm chán, đáng xa lìa, nên cầu ra khỏi.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo,... *nói lược như trên, cho đến* khi sáu mặt trời xuất hiện ở thế gian, bốn châu lớn và tám vạn bốn ngàn châu nhỏ, các núi lớn, núi chúa Tu-di-lưu, thảy đều bốc khói, bốc mãi bốc mãi, giống như người thợ gốm khi muốn nung đồ đất; trên đồ đất, ngọn lửa cùng lúc phát khói, lửa đó rất mạnh, phủ kín khắp cả. Bốn châu lớn và các núi bốc khói mãnh liệt, cũng lại như thế,... *nói lược cho đến* các hành vô thường, nên cầu ra khỏi.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, *lược nói như trên*, khi bảy mặt trời xuất hiện, bốn châu lớn và tám vạn bốn ngàn châu nhỏ, các núi lớn khác và núi chúa Tu-di-lưu thảy đều cháy trụi, nước mạch dưới đất cũng đều khô cạn; địa đại đã hết thì phong đại cũng hết. Khi hỏa đại bốc cháy như thế, phần trên núi chúa Tu-di-lưu bảy trăm do-tuần, ngọn núi ngã đổ; ngọn lửa ấy bốc cháy, gió thổi thiêu cháy cung điện Phạm thiên, cho đến trời Quang âm. Trong đó có các Thiên tử sanh sau ở dưới cung điện Quang âm chẳng biết kiếp thế gian chuyển

hoại, chuyển thành và chuyển trụ nên sanh sơ hãi, kinh khiếp run rẩy, nói với nhau: “Chẳng lâu nữa ngọn lửa sẽ thiêu đốt các cung điện Quang âm”. Khi ấy các Thiên tử ở tại cõi trời Quang âm từ trước biết rõ sự hoại, thành, trụ của kiếp thế gian, trấn an các Thiên tử hậu sanh: “Quý vị đừng sợ, đừng sợ! Vì sao? Nay quý vị, khi xưa có ngọn lửa đó cũng đến nơi ấy”. Khi đó các Thiên tử nghe lời ấy rồi, liền nhớ lại ánh sáng thuở xưa, nhớ nghĩ rằng ánh sáng kia chẳng lìa tâm, cho nên có tên là Quang thiên. Lửa kia như thế, bùng cháy rất lớn, rực đỏ mãnh liệt, thiêu đốt thành tro bụi, chẳng còn lại gì; nên biết phân biệt như thế.

Chư Tỳ-kheo, các hành cung thế, *nói lược... cho đến* nêu câu thoát khỏi.

Chư Tỳ-kheo, thế gian hoại rồi lại thành như thế nào?

Chư Tỳ-kheo, vào thuở ấy, lâu xa vô cùng, thời gian chẳng thể tính đếm, mây ùn ùn nổi lên cho đến che khắp cả thế giới Phạm thiên. Che như thế rồi, mưa lớn trút xuống, hạt mưa rất to, giống như trực bánh xe, hoặc như cái chày, trải qua nhiều năm, trăm ngàn vạn năm, khói nước mưa kia dần dần tăng lên cho đến thế giới Phạm thiên thì dừng lại, nước ấy đầy khắp. Khói nước ấy có bốn luồng gió giữ lại. Những gì là bốn? Một là trụ, hai là an trụ, ba là bất đọa, bốn là lao chủ. Sau khi cơn mưa chấm dứt, bấy giờ khói nước ấy tự hạ xuống vô lượng trăm ngàn do-tuần. Vào lúc ấy, bốn phương cùng lúc, có bốn ngọn gió lớn thổi lên. Gió ấy tên là A-na-tỳ-la, thổi khói nước kia làm ba đào nổi dậy cuồn cuộn không dừng; ở giữa tự nhiên sanh ra khói bọt, nhưng bọt ấy bị ngọn gió lớn A-na-tỳ-la thổi ném lên trên không, tạo ra các cung điện đẹp đẽ khả ái bằng báu xen lẫn, đó là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, hồng ngọc, xa cừ, mã não...

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên ấy, chư Thiên Phạm thân có cung điện với các tường vách xuất sanh ở thế gian.

Chư Tỳ-kheo, tạo như thế rồi, khi ấy, khói nước kia liền hạ xuống vô lượng trăm ngàn vạn do-tuần... *nói lược như trên*, gió bốn phương nổi dậy, tên là gió lớn A-na-tỳ-la, thổi ném khói bọt thành cung điện tên là Ma thiên thân; tường vách chỗ ở như trời Phạm thân, không khác, chỉ có màu sắc, báu vật, tinh diệu sai khác chút ít. Cứ như thế, tạo tác cung điện tường vách chư Thiên Tha hóa tự tại, chư

Thiên Hóa lạc. Kế đến, tạo tác cung điện chư Thiên Đâu-suất-đà, tiếp là cung điện chư Thiên Dạ-ma. Cứ như vậy, theo thứ tự xuất hiện đầy đủ đều giống như chư Thiên Phạm thân.

Chư Tỳ-kheo, khi ấy khối nước kia dần dần hạ xuống vô lượng trăm ngàn vạn do-tuần, nhỏ lại dần, rồi dừng lại. Từ khối nước ấy, quanh bốn phía, tự nhiên nổi bọt, dừng trên mặt nước, dày sáu mươi tám trăm ngàn do-tuần, rộng vô cùng. Giống như trong ao suối và đầm hồ, khắp bốn phía, có bọt nổi lên phủ trên mặt nước, đứng yên. Cũng như thế, chư Tỳ-kheo, trong khối nước kia, khắp bốn phía, bọt nước nổi lên, đứng yên, dày sáu mươi tám trăm ngàn do-tuần, rộng vô lượng, cũng lại như thế.

Chư Tỳ-kheo, khi ấy, gió lớn A-na-tỳ-la kia thổi bọt nước ấy liền tạo thành hình dáng núi chúa Tu-di-lưu, kế đến tạo thành quách, nhiều màu đẹp đẽ, do bốn báu tạo thành, đó là các loại báu vi diệu vàng, bạc, lưu ly, pha lê ...

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên ấy, thế gian này mới có núi chúa Tu-di-lưu xuất hiện như vậy.

Chư Tỳ-kheo, lại vào lúc ấy, gió lớn Tỳ-la thổi bọt nước kia lên phần trên núi chúa Tu-di-lưu, bốn phía tạo thành tất cả ngọn núi, mỗi ngọn cao bảy trăm do-tuần, nhiều màu đẹp đẽ, bảy báu tạo thành, đó là các loại báu xa cừ, mã não... do nhân duyên ấy, thế gian xuất hiện các ngọn núi cao. Cứ như thế, ngọn gió kia, tiếp đến thổi bọt nước, tạo tác cung điện cho chúng chư Thiên tam thập tam. Kế đến, phía Đông, Tây, Nam, Bắc ở lưng chừng núi chúa Tu-di-lưu, cách bốn vạn hai ngàn do-tuần, tạo tác các cung điện cho bốn Đại thiên vương, dựng thành, tường vách nhiều màu bằng bảy báu, đẹp đẽ khả ái. Tạo dựng như vậy xong rồi, bấy giờ ngọn núi kia lại thổi bọt nước tới nửa sườn núi chúa Tu-di-lưu, cách bốn vạn ngàn do-tuần, tạo thành cung điện lớn cho Nguyệt thiên tử, nhiều màu bằng bảy báu, hoàn hảo trang nghiêm. Tạo tác như thế rồi, gió kia lại thổi bọt bảy ngày tạo cung điện thành quách, lầu gác cho Nhật thiên tử, nhiều màu bằng bảy báu, vạn phần đẹp đẽ. Do nhân duyên ấy, thế gian mới có bảy cung điện mặt trời hiện diện.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, ngọn gió kia thổi khói nước ấy lên núi chúa Tu-di-lưu, tạo ba thành quách đẹp đẽ, nhiều màu bằng bảy báu,

cho đến... đó là xa cừ, mā nāo... do đó có thành quách xuất hiện ở thế gian.

Chư Tỳ-kheo, khi ấy, ngọn gió lớn A-na-tỳ-la, kế đến thổi bọt nước đến trên mặt biển cao một vạn do-tuần, tạo cung điện thành quách pha lê cho các Dạ-xoa hư không.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên ấy, thế gian mới có cung điện thành quách Dạ-xoa hư không xuất hiện như thế.

Chư Tỳ-kheo, khi đó ngọn gió lớn A-na-tỳ-la, tiếp theo, thổi bọt nước đến phía Đông, Tây, Nam, Bắc núi chúa Tu-di-lưu, mỗi bên cách núi một ngàn do-tuần, ở dưới biển lớn, tạo ra thành quách A-tu-la ở bốn phía, nhiều màu bồng bảy báu, đẹp đẽ khả ái. Do đó thế gian mới có thành quách A-tu-la ở bốn phía xuất hiện như thế.

Lại nữa, gió lớn A-na-tỳ-la thổi khói bọt nước kia đặt một nơi bên ngoài núi chúa Tu-di-lưu, tạo một núi khác tên là Khư-đè-la-ca. Núi ấy cao rộng mỗi mặt đều bốn vạn hai ngàn do-tuần, nhiều màu bồng bảy báu, hoàn hảo trang nghiêm, đẹp đẽ khả quan.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên ấy, thế gian mới có núi Khư-đè-la-ca xuất hiện như thế.

Lại nữa, ngọn gió lớn A-na-tỳ-la thổi bọt nước ấy ra ngoài núi Khư-đè-la-ca, đặt ở một chỗ, tạo một núi tên là Y-sa-dà-la. Núi ấy cao, rộng mỗi chiều hai vạn một ngàn do-tuần, nhiều màu khả ái, do bảy báu là xa cù mā nāo... tạo thành.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên đó nên thế gian mới có núi Y-sa-dà-la xuất hiện như thế.

Lại nữa, ngọn gió lớn A-na-tỳ-la thổi bọt nước kia ném ở ngoài núi Y-sa-dà-la, ngay nơi ấy tạo một núi tên là Do-càn-dà-la. Núi ấy cao, rộng mỗi chiều một vạn hai ngàn do-tuần, nhiều màu khả ái. Cho đến được tạo thành bồng bảy báu như xa cù, mā nāo...

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên ấy, thế gian mới có tên núi chúa Do-càn-dà-la xuất hiện.

Cứ như thế, tiếp đến tạo núi Thiện hiện, cao rộng bồng nhau sáu ngàn do-tuần; tiếp theo, tạo núi Mā phiến đầu, cao rộng bồng nhau ba ngàn do-tuần. Lại tạo núi Vi-dân-dà-la, cao rộng một ngàn hai trăm do-tuần. Tiếp đến, tạo núi Tỳ-na-da-ca, cao rộng bồng nhau sáu trăm do-tuần. Kế đến, tạo núi Luân viên, cao rộng bồng nhau ba

trăm do-tuần, nhiều màu khả ái, đó là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, hồng ngọc, xa cừ, mā nāo... là bảy báu tạo thành, nói đủ như trên, như sự tạo tác núi Khư-đè-la-ca không khác.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên ấy, thế gian mới có núi Luân viễn xuất hiện.

Lại nữa, ngọn gió lớn A-na-tỳ-la thổi bọt nước ấy tan ra, đặt ngoài bốn phía núi Luân viễn, làm thành bốn châu lớn và tám vạn châu nhỏ; các núi lớn...theo thứ tự xuất hiện.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên ấy, thế gian mới có bốn châu lớn và tám vạn châu nhỏ, và núi lớn, theo thứ tự xuất hiện.

Lại nữa, ngọn gió lớn A-na-tỳ-la thổi bọt nước kia đặt ngoài bốn châu lớn, và tám vạn châu nhỏ, núi chúa Tu-di-lưu và các núi lớn khác, đứng yên một chỗ, gọi là núi Đại luân viễn, cao rộng bằng nhau, sáu trăm tám mươi vạn do-tuần, thật vững chắc, do kim cương tạo thành, khó hư hại.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên ấy, núi Đại luân viễn xuất hiện ở thế gian.

Lại nữa, ngọn gió lớn A-na-tỳ-la thổi xoáy đại địa, dần dần sâu xuống, ngay tại chỗ ấy, khói nước lớn, bỗng nhiên dồn lại.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên đó, trong thế gian mới có biển lớn như thế xuất hiện.

Lại vì nhân duyên gì nước biển lớn mặn không dùng trong ăn uống được?

Chư Tỳ-kheo, điều này có ba duyên. Những gì là ba? Một là từ sau trận hỏa tai, trong thời gian lâu xa vô lượng, có đám mây lớn dày đặc nổi lên, đứng yên che kín cho đến Phạm thiêng. Rồi sau đó mưa xuống, hạt mưa to, *nói đủ như trên*. Nước mưa lớn ấy tẩy rửa các cung điện của trời Phạm thân, rồi kế đến rửa cung điện của chư Thiên Ma thân, cung điện chư Thiên Tha hóa tự tại, cung điện Dà-ma, rửa đi rửa lại, rửa mãi như thế. Khi rửa những cung điện ấy, các vị mặn, cay, đắng đều chảy xuống hết. Kế đến rửa thân núi chúa Tu-di-lưu và bốn châu lớn, tám vạn châu nhỏ, các núi lớn khác và núi Luân viễn... Khi tẩy rửa như thế, nước chảy rửa thấm những vị mặn, đắng, cay có ở trong đó nhất thời đều chảy xuống, rơi vào trong biển.

Chư Tỳ-kheo, đây là nhân duyên thứ nhất, khiến nước biển lớn

mặn không uống được.

Lại nữa, nước biển lớn là chỗ cư trú của các đại thần, chúng sanh có thân to lớn. Những chúng sanh nào có thân to lớn? Đó là cá, ba ba, ển ương, cá rái, rồng có sừng, cung-tỳ-la-đê-ma-da-đê-mị-di-la-đê, mị-đâu-la-đâu-la-kỳ-la... Trong số đó có loài thân một trăm do-tuần, hoặc có loài hai trăm, ba, bốn, năm, sáu, bảy trăm do-tuần; thân lớn như thế, ở tại trong biển; các loại phân tiểu của chúng lưu xuất đều ở trong biển. Do nhân duyên ấy, nước biển mặn đắng, không uống được.

Chư Tỳ-kheo, đây là nhân duyên thứ hai làm cho nước biển mặn đắng.

Lại nữa, nước biển lớn, thuở xưa bị các tiên nhơn chú nguyện. Tiên nhơn chú nguyện rằng: “Nguyện cho người thành vị mặn, chẳng thể uống được!”

Chư Tỳ-kheo, đây là nhân duyên thứ ba khiến nước biển lớn mặn không uống được.

Lại nữa, do nhân duyên gì mà sự nóng bức thiêu đốt thế gian xuất hiện?

Chư Tỳ-kheo, nếu thế giới này, khi kiếp sơ chuyển biến, thì vào thời kỳ ấy, ngọn gió lớn A-na-tỳ-la dồn lại thổi sáu thành quách cung điện mặt trời đặt vào dưới nước biển lớn; chỗ đặt mặt trời ấy, khói nước lớn ngay chỗ ấy đều tiêu hết, chẳng cháy đâu được.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên ấy thế gian mới có sức nóng thiêu đốt xuất hiện. Đó gọi là thế gian chuyển hoại rồi trụ.

Lại nữa, thế nào gọi là thế gian chuyển hoại rồi thành trụ?

Chư Tỳ-kheo, thí như hiện nay thế gian thành rồi, trụ lập như vậy, có hỏa tai, ở trong đó, tại sao lại có thủy tai?

Chư Tỳ-kheo, trong thời kỳ kiếp thủy tai, loài người hành như pháp, nói lời như pháp, thành tựu chánh kiến, không có điên đảo, giữ mười hạnh lành. Các người ấy thường đắc tầng thiền thứ ba là Vô hỷ mà chẳng nhọc công sức, không có mệt mỏi, tự nhiên chứng đắc. Khi ấy các chúng sanh kia được trụ trong đạo phạm hạnh của chư Thiên, chư Tiên trên hư không; được trụ trong ấy rồi, đắc “ly hỷ khoái lạc”, liền tự nói: “Chư vị, thật vui sướng! Tầng thiền thứ ba này vui sướng như thế”. Bấy giờ các chúng sanh ở nơi ấy đồng hỏi chúng sanh đắc

thiền kia. Bọn họ đáp: “Lành thay, chư vị, đây là tầng thiền thứ ba là Vô hỷ, nên biết như thế”. Các chúng sanh ấy biết đã thành tựu tầng thiền thứ ba là Vô hỷ như vậy; thành tựu rồi chứng, chứng rồi tư duy; tư duy rồi an trú; khi thân hoại mạng chung, sanh lên cõi trời Biển tịnh. Như vậy, chúng sanh từ dưới địa ngục, trong cõi Diêm-la, trong cõi A-tu-la, trời Tứ thiên vương lên đến trời Phạm thế, và các chúng sanh từ trời Quang âm trở xuống, ở tất cả nơi, tất cả cõi đều dứt hết. Chư Tỳ-kheo, như vậy gọi là thế chuyển.

Lại nữa, thế nào gọi là thế gian chuyển rồi hoại?

Chư Tỳ-kheo, có một thuở, thời gian lâu xa vô lượng, mây giăng cùng khắp cho đến chư Thiên Quang âm, rồi mưa nước tro nóng xuống, trải vô lượng năm... nói lược... cho đến trăm ngàn ức năm.

Chư Tỳ-kheo, nước tro nóng ấy, lúc mưa xuống, các cung điện trên trời Quang âm đều tiêu rụi hết, không còn hình bóng vi trần có thể biết được. Thí như lấy váng sữa, kem sữa... bỏ vào trong lửa, cháy tiêu hết, không còn hình dạng để có thể nghiệm biết được, cũng như thế. Loại nước tro nóng kia khi mưa xuống làm tiêu các cung điện của chư Thiên Quang âm, cũng lại như thế, không còn hình dáng có thể biết.

Chư Tỳ-kheo, các hành vô thường, phá hoại ly tán, lưu chuyển tiêu diệt, chỉ trong khoảnh khắc, cũng lại như vậy, đáng chán, đáng sợ, nên cầu thoát khỏi.

Chư Tỳ-kheo, cũng vậy, các cung điện của chư Thiên Phạm thân, Ma thân, Hóa lạc, Tha hóa tự tại, Đâu-suất, Dạ-ma đều bị mưa tro nóng tiêu diệt, nói lược như trên, giống như váng sữa bỏ vào lửa cháy tiêu mất dạng, không còn hình tướng, cũng lại như vậy... cho đến tất cả các hành vô thường, nên cầu thoát ly.

Chư Tỳ-kheo, nước tro nóng ấy khi mưa xuống bốn châu lớn, tám vạn châu nhỏ, các núi khác, núi Tu-di-lưu, đều tiêu hủy hết, không còn hình tướng để có thể ghi nhận được, nói đủ như trên, phải nêu nhảm chán. Sự biến đổi như thế chỉ có người chứng kiến mới tin thôi. Đó gọi là thế gian chuyển trụ rồi chuyển hoại.

Lại nữa, thế nào gọi là chuyển hoại rồi thành?

Chư Tỳ-kheo, vào thuở ấy, mây nổi lên, mưa lớn xuống, trải qua nhiều năm, nổi gió thổi bọt nước lên tạo cung điện chư Thiên,

nói đủ như sự việc của hỏa tai... *cho đến* như vậy là thủy tai.

Lại nữa, thế nào là phong tai?

Chư Tỳ-kheo, trong thời kỳ phong tai, các chúng sanh tu hành như pháp, thành tựu chánh niệm, sanh vào tầng thiền thứ tư, trời Quảng quả. Chúng sanh ở địa ngục bỏ thân, trở lại nhân gian, tu hạnh thanh tịnh, thành tựu Tứ thiền. Cũng giống như thế, loài Súc sanh, cõi Diêm-ma, cõi A-tu-la, trời Tứ thiền vương, trời Tam thập tam, Dạ-ma, Đâu-suất, Hóa lạc, Tha hóa và Ma thân, Phạm thế, Quang âm, Biến tịnh, Thiếu quang... thành tựu Tứ thiền, nói đủ như trước.

Chư Tỳ-kheo, đó gọi là thế gian chuyển thành. Thế nào là chuyển hoại?

Chư Tỳ-kheo, vào thuở nọ, thời gian lâu xa vô lượng, có gió lớn nổi lên; gió lớn ấy gọi là Tăng-già-đa (dịch là Hòa hiệp).

Chư Tỳ-kheo, gió Hòa hiệp áy thổi cung điện chư Thiên Biến tịnh, làm cho chúng va chạm nhau mà hoại diệt, không còn hình dạng có thể nhận biết. Thí như tráng sĩ nấm hai dụng cụ bằng đồng ở trong hai tay cọ xát nhau phá hủy hoại diệt, không còn hình dạng có thể biết được, gió hòa hiệp kia thổi cung điện trời Biến tịnh ma xát, hoại diệt, cũng giống như vậy.

Chư Tỳ-kheo, tất cả các hành đều vô thường, hoại diệt, giây lát, không dài lâu... *cho đến* đáng chán, nên cầu thoát khỏi.

Lần lượt như thế, thổi cung điện chư Thiên Quang âm, thổi cung điện trời Phạm thân, cung điện chư Thiên Ma thân, Tha hóa tự tại, Hóa lạc, Dạ-ma, đụng nhau, va nhau, cọ nhau, diệt nhau, không còn hình, không còn tướng, không còn bóng, không còn mảy bụi, để có thể thấy dạng.

Chư Tỳ-kheo, tất cả các hành, cũng giống như thế, hư hoại không bền, không có chân thật, phải nén nhầm chán xa lìa, sớm cầu thoát khỏi.

Chư Tỳ-kheo, gió lớn Tăng-già-đa kia thổi bốn châu lớn, tám vạn châu nhỏ và các núi lớn, núi chúa Tu-di-lưu, nhấc bổng lên một câu-lô-xá, rồi phân tán, hoại diệt; hoặc cao hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy câu-lô-xá, rồi phân tán hoại diệt; hoặc thổi nhấc cao một do-tuần, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy do-tuần, hoặc thổi nhấc cao trăm do-tuần, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy trăm do-tuần, rồi phân tán hoại diệt;

hoặc thổi nhấc cao một ngàn do-tuần, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy ngàn do-tuần; hoặc lại nhấc cao trăm ngàn do-tuần rồi phân tán phá hoại. Như thế, gió ấy thổi phá hủy tan hoại không còn hình, không còn dáng, không còn lại hạt vi trần nào để có thể biết được. Thí như có một người đàn ông khoẻ mạnh, tay nắm một cục bột b López nát, ném vào hư không, bay tứ tán, không còn hình, không còn ảnh cũng như thế. Gió kia thổi phá các châu, các núi cũng lại như thế. Chỉ có người thấy mới có thể tin. Đây gọi là thế gian chuyển trụ rồi hoại.

Lại nữa, thế gian hoại rồi chuyển thành như thế nào?

Chư Tỳ-kheo, vào thuở nọ, trải qua nhiều năm lâu xa vô lượng, mây đen nổi lên, che khắp thế gian, cho đến chỗ ở của chư Thiên Biển tịnh. Che phủ như thế rồi, mưa lớn liền đổ xuống. Giọt mưa to lớn giống như trục xe, hoặc như cái chày, liên tục đổ xuống. Trải qua nhiều trăm ngàn vạn năm như thế, lượng nước mưa kia sâu rộng to lớn, cho đến trời Biển tịnh. Lượng nước đầy ắp đó, có bốn thứ gió giữ lại... *như trên đã nói... cho đến thổi bọt nước tạo cung điện Biển tịnh,* nhiều màu, bằng bảy báu hiện ra rõ ràng; tất cả đều như hỏa tai, thủy tai, *thứ lớp như đã nói.*

Chư Tỳ-kheo, đó gọi là thế gian hoai rồi chuyển thành.

Thế nào là thế gian chuyển thành rồi trụ?

Chư Tỳ-kheo, thí như ngày nay, thế gian trời người chuyển thành rồi trụ. Chư Tỳ-kheo, tuần tự như thế, có gió thổi...

Đây gọi là tam tai của thế gian.

**
*

Phẩm 12: TỐI THẮNG 1

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, qua thời gian, thế gian chuyển rồi, khi thành như thế, chúng sanh phần nhiều được sanh lên cõi trời Quang âm. Khi sanh lên cõi trời ấy, thân tâm họ an vui, dùng niêm hoan hỷ làm thức ăn, tự nhiên có ánh sáng; lại có thần thông, đi trên hư không, có sắc đẹp thù thắng, tuổi thọ dài lâu, sống trong an lạc.

Chư Tỳ-kheo, thời ấy thế gian chuyển hoại; khi nó chuyển hoại, hư không trống rỗng; ở trong cung Phạm, có một chúng sanh trên trời Quang âm phước nghiệp đã hết, từ trời Quang âm xuống, sanh vào trong cung điện Phạm, không do bào thai, bỗng nhiên hóa có. Vị trời Phạm ấy tên là Sa-bà-ba-đế. Vì vậy, có tên này xuất hiện.

Chư Tỳ-kheo, khi đó lại có các chúng sanh khác, phước nghiệp và tuổi thọ hết, từ cõi trời Quang âm bỏ thân rồi, sanh ở nơi đó, thân hình đẹp đẽ, cũng dùng hoan hỷ làm thức ăn, tự nhiên có ánh sáng, có sức thần thông, bay đi trên không, sắc thân tối thắng, tồn tại lâu dài ngay nơi chốn này.

Khi họ sống ở đây như vậy, không có nam nữ, không có tốt xấu, chỉ có chúng sanh và tên chúng sanh, chỉ có tên như vậy.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, ở thời kỳ ấy, trên đại địa đó, xuất hiện lớp mỡ đất, ngưng đọng lại. Thí như có người nấu sữa xong, trên mặt sữa có một lớp màng mỏng đóng lại, hoặc trên mặt nước có lớp màng mỏng đóng lại, cũng như thế.

Chư Tỳ-kheo, hoặc lại thời kỳ ấy, trên đại địa đó xuất hiện một loại mỡ đất, ngưng đọng lại. Thí như váng sữa tụ lại, rồi thành ra kem có hình sắc, tướng mạo như vậy, vì nó giống như mật không có sáp. Bấy giờ các chúng sanh ở nơi ấy, trong đó có chúng sanh có tánh tham, nghĩ như thế này: “Nay ta cũng có thể dùng ngón tay lấy vị này nếm thử để biết đây là vật gì”. Chúng sanh ấy nghĩ như thế rồi, liền dùng ngón tay chọt sâu xuống một lóng, lấy vị đất kia bỏ vào miệng nếm. Nếm rồi thích ý, cứ nếm như thế qua một lần, hai lần, ba lần, liền sanh tham đắm. Kế đến dùng tay bốc, dần dần dùng tay hốt, sau lại bốc hốt tùy ý mà ăn. Khi chúng sanh dùng tay bốc hốt ăn, lại có bọn người khác thấy các chúng sanh kia ăn như thế liền bắt chước

tranh nhau lấy ăn.

Chư Tỳ-kheo, khi các chúng sanh ấy dùng tay bốc hốt vị đất kia ăn như vậy thì thân hình chúng tự nhiên rít rầm, da dẻ thô dày, thân thể dơ bẩn hắc ám, nhan sắc biến đổi, không còn ánh sáng, cũng chẳng thể bay đi trên hư không. Vì lớp mõ đất nén thần thông biến mất.

Chư Tỳ-kheo, như trước đã nói, sau cũng như thế. Trong thời kỳ ấy, thế gian trở thành tối tăm. Chư Tỳ-kheo, vì vậy thế gian mới có sự tối tăm lâu dài xuất hiện.

Lại nữa, tại sao ngay thời gian ấy, thế gian tự nhiên xuất hiện mặt trời, mặt trăng? Rồi cũng trong thời ấy xuất hiện tinh tú? Rồi có danh từ ngày đêm, một tháng, nửa tháng, một năm, thời tiết xuất hiện?

Chư Tỳ-kheo, bấy giờ, cung điện mặt trời đẹp đẽ to lớn từ phương Đông xuất hiện, vòng quanh lưng chừng núi chúa Tu-di-lưu, rồi lặn ở phương Tây; lặn ở phương Tây rồi lại mọc ở phương Đông. Bấy giờ chúng sanh thấy cung điện mặt trời to lớn, cùng bảo nhau: “Chư Nhân giả, lại là cung điện mặt trời chiếu sáng, từ phương Đông xuất hiện, rồi vòng phía phải lưng chừng núi chúa Tu-di-lưu, lặn ở phương Tây”. Thấy ba lần như vậy rồi bảo nhau: “Chư Nhân giả, đây là ánh sáng của trời kia lưu hành; ánh sáng của trời ấy lưu hành thế gian vậy”. Vì vậy gọi là “Đây kia, đây kia”. Cho nên có danh tự như thế xuất hiện.



KHỎI THẾ NHÂN BỐN

QUYỀN X

Phẩm 12: TỐI THẮNG 2

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, cung điện mặt trời to lớn chiếu sáng đó ngang dọc năm mươi mốt do-tuần, trên dưới, bốn phía chung quanh bồng nhau. Có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, bảy lớp hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh, nhiều màu đan xen, dùng để trang nghiêm. Các bờ tường đều do bảy báu là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, hồng ngọc, xa cừ, mã não... tạo thành. Khắp bốn phía đều có cửa. Tại các cửa đều có lầu gác, đài quan sát canh phòng và các rừng cây, ao hồ, vườn cảnh. Trong vườn đều có các giống cây, các loại lá, các loại hoa và các loại quả, các loại hương thơm; lại có tiếng hót của các loài chim.

Chư Tỳ-kheo, trong cung điện mặt trời to lớn ấy có hai vật dụng lập thành cung điện, vuông như ngôi nhà, trông xa như hình tròn.

Chư Tỳ-kheo, cung điện mặt trời to lớn ấy có nhiều vàng trời và pha lê trời, xen kẽ tạo thành; hai phần là vàng trời trong sạch không dơ, không các cáu bẩn, sạch sẽ chói sáng; còn một phần thì dùng pha lê trời tạo thành, sạch sẽ chói sáng, càng mài càng sáng, không có cáu bẩn.

Chư Tỳ-kheo, trong cung điện mặt trời to lớn ấy, có năm thứ gió thổi để chuyển đi. Những gì là năm? Đó là: một trì, hai trụ, ba tùy thuận chuyển, bốn ba-la-ha-ca, năm tương hành.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, phía trước cung điện mặt trời to lớn kia, đặc biệt có vô lượng chư Thiên đi trước. Khi có vô lượng trăm, vô

lượng ngàn, vô lượng trăm ngàn chư Thiên đi trước, tất cả đều luôn được hưởng bước đi an lạc vững chắc, nên có tên là “lao hành”.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong cung điện mặt trời to lớn kia, có xe đẹp Diêm-phù-đàn xuất hiện. Xe cao mươi sáu do-tuần, rộng tám do-tuần. Thiên tử mặt trời và quyến thuộc vào trong xe ấy dùng thú vui năm dục cõi trời, cùng nhau thọ hưởng trọn vẹn, vui vẻ rồi đi.

Chư Tỳ-kheo, số tuổi thọ mạng của Thiên tử mặt trời là tròn năm trăm năm, con cháu truyền nhau để cai trị. Cung điện ấy tồn tại tròn một kiếp.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, trong các bộ phận của Thiên tử mặt trời ánh sáng phát ra chiếu sáng xe Diêm-phù-đàn. Rồi ánh sáng trong xe Diêm-phù-đàn ấy phát ra chiếu sáng cung điện mặt trời to lớn kia. Ánh sáng từ cung điện mặt trời to lớn kia liên tục phát ra chiếu sáng bốn châu lớn và thế gian.

Chư Tỳ-kheo, Thiên tử mặt trời có đầy đủ cả ngàn ánh sáng; năm trăm ánh sáng chiếu một bên để đi, còn năm trăm ánh sáng chiếu xuống.

Lại nữa, vì nhân duyên gì mà cung điện to lớn đẹp đẽ của Thiên tử mặt trời chiếu bốn châu lớn và các thế giới?

Chư Tỳ-kheo, có một hạng người chuyên hành bố thí; trong khi bố thí, họ bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn và kẻ bần cùng cô độc từ xa đến xin như là đồ ăn uống, xe cộ, y phục, tràng hoa, anh lạc, hương xoa, giường, nệm, phòng, nhà, đèn, dầu... nói chung là những vật để nuôi sống thân mạng. Khi bố thí, họ bố thí nhanh chóng, chẳng bố thí vì đua nịnh; hoặc lại cúng dường cho các vị tiên trì giới, người hành thiện pháp đầy đủ công đức; phụng sự đủ thứ. Do nhân duyên đó, thâm tâm họ hưởng vô lượng các thứ an lạc. Thí như chốn rừng núi hoang vu vắng vẻ, hoặc nơi sa mạc mênh mông mà có ao nước; nước ao mát lạnh, trong sạch ngon ngọt. Khi ấy có một đàn ông, đi xa mệt mỏi, nóng bức khát nước, từ nhiều ngày qua chẳng ăn uống gì, đến chỗ cao ấy, uống nước, tắm rửa, dứt trừ tất cả sự khát và nóng bức. Ra khỏi ao, thâm tâm sáng khoái, hưởng vô lượng niềm hoan hỷ khoái lạc. Cũng như thế, khi người kia bố thí, vì tâm thanh tịnh nên khi thân hoại mạng chung sanh vào trong cung điện của Thiên tử mặt trời. Họ đã sanh vào trong đó rồi, được quả báo cung điện phi hành

nhanh chóng vừa ý như thế. Do nhân duyên ấy cung điện mặt trời to lớn chiếu sáng bốn châu lục và các thế giới khác.

Chư Tỳ-kheo, lại có một hạng người đoạn trừ việc sát sanh, không trộm cắp của người khác, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu, thân không phóng dật, cúng dường các vị tiên, hiền triết giới, đầy đủ công đức, gần gũi người thuần hậu ngay thẳng thực hành pháp lành... *nói đủ như trên*. Khi thân hoại mạng chung, họ theo ý muốn sanh vào cung điện mặt trời; ở nơi ấy, sẽ thọ quả báo nhanh chóng. Vì vậy gọi đó là con đường của các thiện nghiệp. Do nhân duyên ấy, cung điện mặt trời chiếu sáng bốn châu lục và thế giới khác.

Lại có một hạng người tu không sát sanh... *cho đến* chánh kiến, họ từng cúng dường các vị tiên tri giới, đầy đủ công đức, người làm lành ngay thẳng thuần hậu; từng gặp những nhân duyên thanh tịnh ấy, cũng sẽ sanh vào cung điện mặt trời, thọ quả báo nhanh chóng. Do nhân duyên đó, cung điện mặt trời chiếu sáng bốn châu lục... *nói đủ như trên*.

Chư Tỳ-kheo, sáu mươi sáu-na là một la-bà, ba mươi la-bà là một mâu-hưu-đa. Cung điện mặt trời sáu tháng đi về phương Bắc, mỗi ngày đi được sáu câu-lô-xá, chưa từng xa rời quỹ đạo mặt trời dù cho trong khoảng một sáu-na, một la-bà hay một mâu-hưu-đa; sáu tháng đi về phương Nam, một ngày cũng đi được sáu câu-lô-xá, không lệch quỹ đạo mặt trời.

Chư Tỳ-kheo, thời gian sáu tháng mà cung điện mặt trời di chuyển, thì vào ngày mười lăm cung điện mặt trăng cũng di chuyển như vậy.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên gì mà trong đó phát sanh nóng bức?

Chư Tỳ-kheo, trong sáu tháng cung điện mặt trời di chuyển về hướng Bắc, trong một ngày đi được sáu câu-lô-xá, chẳng từng rời khỏi quỹ đạo mặt trời. Nhưng trong đó, có mươi nhân duyên phát sanh nóng bức. Những gì là mươi?

Chư Tỳ-kheo, ngoài núi chúa Tu-di-lưu, kế đến có núi tên là Khư-đề-la-ca, cao rộng bằng nhau, bốn vạn hai ngàn do-tuần, nhiều màu đẹp đẽ, do bảy báu tạo thành. Ở khoảng giữa có ánh sáng của cung điện mặt trời to lớn chiếu sáng chạm vào núi ấy phát sanh sức

nóng cho nên vào thời gian ấy có sự nóng bức. Đây là nhân duyên thứ nhất phát sinh nóng bức.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, ngoài núi Khư-đè-la-ca, tiếp theo có núi tên là Y-sa-đà-la, cao rộng bằng nhau hai vạn một ngàn do-tuần. Ở khoảng giữa có ánh sáng của cung điện mặt trời to lớn chiếu sáng, chạm vào núi ấy. Đây là nhân duyên nóng bức thứ hai.

Kế đến là núi Do-càn-đà, cao rộng một vạn hai ngàn do-tuần... Đó là nhân duyên thứ ba.

Tiếp theo là núi Thiện hiện, cao rộng sáu ngàn do-tuần... Đó là nhân duyên thứ tư.

Tiếp đến là núi Mã phiến đầu, cao rộng ba ngàn do-tuần... Đó là nhân duyên thứ năm.

Kế đến là núi Vi-dân-đà-la, cao rộng một ngàn hai trăm do-tuần... Đó là nhân duyên thứ sáu.

Tiếp theo là núi Tỳ-na-da-ca, cao rộng sáu trăm do-tuần... Đó là nhân duyên thứ bảy.

Kế đó là núi Luân viên, cao rộng ba trăm do-tuần... Đó là nhân duyên thứ tám.

Kế đến, từ đại địa này trở lên hư không, cao một vạn do-tuần. Ở đó, có các cung điện của Dạ-xoa, do pha lê tạo thành... Đây là nhân duyên thứ chín.

Tiếp theo là trong bốn châu lớn và trong tám vạn châu nhỏ, các núi lớn khác, núi chúa Tu-di-lưu... Đó là nhân duyên thứ mười. Tất cả đều đầy đủ như đã nói ở núi Khư-đè-la-ca.

Đây là mười nhân duyên nóng bức của cung điện mặt trời trong sáu tháng đi về hướng Bắc.

Lại nữa, trong đó, do nhân duyên gì mà có sự lạnh lẽo?

Chư Tỳ-kheo, sau sáu tháng rồi, cung điện mặt trời to lớn đi về hướng Nam. Ở đây có mười hai nhân duyên nén sanh ra lạnh. Những gì là mười hai?

Chư Tỳ-kheo, khoảng giữa hai ngọn núi Tu-di-lưu và Khư-đè-la-ca là biển tu di lưu rộng tám vạn bốn ngàn do-tuần, bao la vô cùng; có các thứ hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen vàng, hoa sen trắng ở khắp mọi nơi, có mùi hương rất thơm. Ở trong đó, có ánh sáng của cung điện mặt trời to lớn chiếu đến xúc chạm. Đây là nhân duyên thứ

nhất của sự lạnh lẽo. Cứ lần lượt như thế, núi Y-sa-đà là nhân duyên thứ hai; núi Do-càn-đà là nhân duyên thứ ba; núi Thiện hiện là nhân duyên thứ tư; núi Mā phiến đầu là nhân duyên thứ năm; núi Vi-dân-đà-la là nhân duyên thứ sáu; núi Tỳ-na-da-ca là nhân duyên thứ bảy; núi Luân viên là nhân duyên thứ tám. Các loại hoa ở trong đó... đầy đủ theo thứ lớp như đã nói đủ ở trong núi Khu-đè-la-ca.

Lại nữa, trong Diêm-phù-đè, nơi có các dòng sông chảy, có ánh sáng của cung điện mặt trời to lớn chiếu đến xúc chạm nên có sự lạnh lẽo... *nói lược cho đến...* Đó là nhân duyên thứ chín của sự lạnh lẽo.

Lại nữa, như trong châu Diêm-phù có các dòng sông chảy, trong châu Cù-đà-ni có các dòng sông chảy nhiều gấp bội, ánh sáng của cung điện mặt trời to lớn chiếu đến xúc chạm. Đây là nhân duyên thứ mười của sự lạnh lẽo.

Lại nữa, như trong châu Cù-đà-ni, có các dòng sông chảy, trong châu Phất-bà-đè, cũng có các dòng sông chảy nhiều hơn gấp bội... Đây là nhân duyên thứ mười một của sự lạnh lẽo.

Lại nữa, như trong châu Phất-bà-đè có các dòng sông chảy, trong châu Uất-đa-la-cứu-lưu có các dòng sông chảy nhiều gấp bội. Ánh sáng của cung điện mặt trời chiếu vào xúc chạm. Đây là nhân duyên thứ mười hai của sự lạnh lẽo.

Đây là mười hai nhân duyên.

Chư Tỳ-kheo, cung điện mặt trời to lớn, sáu tháng đi về hướng Nam, mỗi ngày đi được sáu câu-lô-xá, chẳng rời xa quỹ đạo; trong đó, có mười hai nhân duyên này, nên lạnh lẽo.

Lại nữa, do nhân duyên gì mà về mùa đông đêm dài ngày ngắn?

Chư Tỳ-kheo, qua sáu tháng rồi, mặt trời đi về hướng Nam, mỗi ngày đi được sáu câu-lô-xá, cũng chẳng sai lệch. Nhưng ở vào thời điểm ấy, mặt trời ở tại mé Nam của châu Diêm-phù, nơi mà địa hình nhỏ hẹp, nên mặt trời qua nhanh. Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên này mà về mùa đông, ngày ngắn đêm dài.

Lại nữa, do nhân duyên gì mà mùa xuân, mùa hạ, ngày dài, đêm ngắn?

Chư Tỳ-kheo, qua sáu tháng rồi, cung điện mặt trời đi về hướng

Bắc, mỗi ngày đi được sáu câu-lô-xá, cũng chẳng sai lệch với quỹ đạo thường đi. Nhưng vào thời điểm ấy, đi ngay giữa cõi Diêm-phù, địa hình nơi đây rộng nên đi lâu. Vì vậy nên ngày dài.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên ấy, mùa xuân, mùa hạ ngày dài, đêm ngắn.

Lại nữa, chư Tỳ-kheo, nếu ở châu Diêm-phù-đề mặt trời giữa ngày thì ở châu Phất-bà-đề mặt trời lặn; ở châu Cù-đa-ni, mặt trời mọc thì ở châu Uất-đa-la-cứu-lưu là nửa đêm. Nếu châu Cù-đa-ni giữa trưa, thì ở châu Diêm-phù-đề mặt trời lặn. Ở châu Uất-đa-la-cứu-lưu mặt trời mọc thì ở châu Phất-bà-đề nửa đêm. Nếu ở châu Uất-đa-la-cứu-lưu giữa trưa thì ở châu Cù-đa-ni mặt trời lặn. Ở châu Phất-bà-đề mặt trời mọc thì ở châu Diêm-phù-đề nửa đêm. Nếu ở châu Phất-bà-đề giữa trưa thì ở châu Uất-đa-la-cứu-lưu mặt trời lặn. Ở châu Diêm-phù-đề mặt trời mọc thì ở châu Cù-đa-ni nửa đêm.

Chư Tỳ-kheo, người châu Diêm-phù-đề cho là phương Tây thì người châu Cù-đa-ni cho là phương Đông. Người châu Cù-đa-ni cho là phương Tây thì người châu Uất-đa-la-cứu-lưu cho là phương Đông. Người châu Uất-đa-la-cứu-lưu cho là phương Tây thì người châu Phất-bà-đề cho là phương Đông. Người châu Phất-bà-đề cho là phương Tây thì người châu Diêm-phù-đề cho là phương Đông. Hai phương Nam, Bắc cũng giống như thế.

Tới đây, Phật nói kệ:

*Chuyển trụ và chuyển hoại
Trời hiện và mỏng che
Mười hai lớp gió thổi
Ở trước, chư Thiên đi
Lầu gác và gió thổi
Ánh sáng của thân chiếu
Nghiệp bố thí trì giới
Quán sát-na, la bà
Nói nhiệt có mười duyên
Nói lạnh có mười hai
Ngày đêm và giữa trưa
Nói Đông, Tây bốn hướng.*

Chư Tỳ-kheo, cung điện rất lớn của Thiên tử mặt trăng cao rộng bồng nhau bốn mươi chín do-tuần, chung quanh, trên dưới có bảy lớp bờ tường, bảy lớp lan can, bảy lớp lưới chuông; lại có bảy hàng cây Đa-la bao bọc chung quanh, nhiều màu đẹp đẽ. Các bờ tường ấy đều dùng bảy báu như vàng, bạc..., mã não tạo thành. Các cửa ở bốn phía đều có lầu gác, trang trí đủ loại... nói đủ như cung điện mặt trời ở trên... *cho đến* các loài chim đều ca hát.

Chư Tỳ-kheo, cung điện mặt trăng, dùng toàn vàng bạc trời, lưu ly trời màu xanh để trang trí xen kẽ; hai phần bạc, trong sạch không cáu bẩn, không có các cặn dơ, thể của nó trong suốt, rất sáng; một phần là lưu ly trời màu xanh, cũng trong sạch, trong ngoài trong suốt, ánh sáng chói xa.

Chư Tỳ-kheo, cung điện rất đẹp của Thiên tử mặt trăng có năm thứ gió giữ gìn cho sự vận hành. Những gì là năm? Một là trì, hai là trụ, ba là thuận, bốn là nghiệp, năm là hành. Vì được năm loại nhân duyên này giữ gìn nên cung điện mặt trăng nương hư không mà đi.

Chư Tỳ-kheo, cung điện mặt trăng lại có vô lượng cung điện chư Thiên đi ở trước, vô lượng trăm ngàn vạn chư Thiên đi ở trước. Khi đi, họ hưởng thụ vô lượng các thứ khoái lạc. Số chư Thiên đó đều có tên gọi.

Chư Tỳ-kheo, trong cung điện to lớn của Thiên tử mặt trăng, lại đặc biệt có xe lưu ly xanh; xe ấy cao mười sáu do-tuần, rộng tám do-tuần. Thiên tử mặt trăng và các Thiên nữ vào trong xe, dùng các thú vui năm dục cùng nhau thọ lạc, vui vẻ thoả thích, tùy ý mà đi.

Chư Tỳ-kheo, số tuổi thọ cõi trời của Thiên tử mặt trăng là năm trăm tuổi, con cháu nối tiếp đều cai trị ở đó. Nhưng cung điện đó chỉ tồn tại một kiếp.

Chư Tỳ-kheo, ánh sáng trong các bộ phận thân thể của Thiên tử mặt trăng phát ra liền chiếu sáng xe lưu ly xanh kia; ánh sáng của xe ấy chiếu sáng cung điện mặt trăng to lớn; ánh sáng cung điện mặt trăng chiếu sáng bốn châu lớn.

Chư Tỳ-kheo, Thiên tử mặt trăng có năm trăm luồng ánh sáng chiếu xuống, có năm trăm luồng ánh sáng chiếu một bên để đi. Vì vậy gọi là mặt trăng ngàn ánh sáng chiếu, cũng gọi là ánh sáng mát lạnh.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên gì cung điện mặt trăng to lớn chiếu sáng bốn châu lớn? Do trong đời quá khứ bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn, kẻ bần cùng cô độc từ xa đến xin, như là đồ ăn thức uống, xe cộ, y phục, tràng hoa, hương thơm, giường, chiếu, phòng nhà, các thứ giúp cho sự sống... Khi bố thí, kịp thời nhanh chóng, không có lòng duá nịnh; hoặc lại cúng dường các tiên trì giới, người đầy đủ công đức, ngay thẳng, thuần thiện, do nhân duyên ấy họ hưởng vô lượng các loại khoái lạc về thân tâm. Thí như chốn rừng núi vắng vẻ, đồng trống, đầm hoang, sa mạc, có một ao nước mát mẻ trong đẹp, không có cáu bẩn. Khi ấy có người đi đường xa mệt mỏi, đói khát nóng bức, vào trong ao kia, tắm rửa uống nước, hết tất cả khổ, cảm thấy sung sướng vô cùng. Cũng giống như thế, do nhân duyên đó, sanh trong cung điện của Thiên tử mặt trăng, hưởng quả báo vui sướng.

Chư Tỳ-kheo, lại có một hạng người từ bỏ sát sanh... *cho đến* từ bỏ uống rượu và phóng dật, cúng dường phụng sự các tiên nhân... cũng sanh trong cung điện mặt trăng ấy, chiếu sáng bốn châu.

Lại có người từ bỏ sát sanh... *cho đến* có chánh kiến nêu nhanh chóng được sanh lên cung điện đi trên không. Đây gọi là những con đường của thiện nghiệp.

Lại do nhân duyên gì mà cung điện mặt trăng hiện ra dần dần? Có ba nhân duyên. Những gì là ba? Một là xuất hiện không đúng hướng; hai là thân chư Thiên màu xanh, hình mang Anh lạc, tất cả đều xanh, thường che khuất cung điện trong nửa tháng. Vì che khuất nên vào thời gian đó, hình mặt trăng dần dần xuất hiện; ba là từ trong cung điện mặt trời to lớn kia, đặc biệt có sáu mươi luồng ánh sáng xuất hiện rồi che khuất vầng trăng kia. Vì vậy, (mặt trăng) dần dần xuất hiện.

Lại nữa, do nhân duyên gì mà cung điện mặt trăng tròn đầy, hiện rõ như vậy?

Chư Tỳ-kheo, về điều này có ba nhân duyên nêu khiến như thế. Một là lúc ấy cung điện mặt trăng to lớn, xuất hiện đúng hướng. Vì vậy mặt trăng hiện ra tròn đầy.

Lại nữa, chư Thiên màu xanh, y phục, Anh lạc, tất cả đều xanh, hướng trong nửa tháng che khuất cung điện mặt trăng. Nhưng cung

điện mặt trăng, vào thời kỳ trai nhật, ngày mười lăm, ánh sáng tròn đầy, chiếu soi vầng vặc. Thí như có nhiều các thứ dầu mỡ đổ vào ngọn đuốc lớn đang cháy thì tất cả các loại đèn khác đều bị lu mờ. Cũng như vậy, cung điện mặt trăng to lớn, vào ngày mười lăm đều luôn luôn như thế.

Lại nữa, sáu mươi luồng ánh sáng của cung điện mặt trời xuất hiện rồi che vầng trăng mát mẽ kia. Nhưng cung điện mặt trăng, vào kỳ trai nhật, ngày mười lăm, tròn đầy, ở tất cả nơi chốn đều ra khỏi sự che khuất. Ánh sáng mặt trời khi đó, không thể ngăn che được.

Lại nữa, do nhân duyên gì mà cung điện mặt trăng vào ngày thứ mươi lăm của kỳ trăng tối, hoàn toàn không hiện?

Chư Tỳ-kheo, cung điện mặt trăng, vào ngày thứ mươi lăm của kỳ trăng tối đi gần cung điện mặt trời, vì bị ánh sáng mặt trời che khuất nên hoàn toàn không thấy.

Lại nữa, vì nhân duyên gì mà đại cung điện mặt trăng, được gọi là mặt trăng?

Chư Tỳ-kheo, cung điện mặt trăng vào ngày thứ nhất của kỳ trăng tối trở đi vì màu sắc, ánh sáng, oai đức khiếm khuyết mà giảm dần, vì nhân duyên ấy nên được gọi là mặt trăng.

Lại nữa, do nhân duyên gì mà trong cung điện mặt trăng có hình ảnh?

Chư Tỳ-kheo, có cây Diêm-phù, nhân đó nên gọi là châu Diêm-phù. Hình ảnh của nó hiện ra trong ánh sáng của vầng trăng mát mẽ. Do nhân duyên này mà có hình ảnh hiện ra.

Lại do nhân duyên gì mà có các dòng sông chảy ở thế gian?

Chư Tỳ-kheo, vì có mặt trời nên có nhiệt; vì có nhiệt nên có náo; vì có náo nên có thiêu đốt; vì có thiêu đốt nên có ẩm thấp; vì có ẩm thấp nên trong các núi có dòng nước chảy ra.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên này nên thế gian có các dòng sông.

Lại do nhân duyên gì mà có năm loại hạt giống xuất hiện ở thế gian?

Chư Tỳ-kheo, hoặc ở phương Đông, có thế giới chuyển thành rồi hoại, hoại rồi thành, hoặc thành rồi trụ; phương Nam, Tây, Bắc thành, hoại và trụ cũng giống như thế. Bấy giờ có ngọn gió lớn A-na-

tỳ-la ở thế giới khác, chỗ đã chuyển thành và trụ, thổi năm loại hạt giống rải vào thế giới này, rải rồi rải nữa, cho đến rải khắp, đó là hạt cǎn, hạt hành, hạt tiết, hạt hiệp, hạt tử. Đây là năm loại hạt.

Chư Tỳ-kheo, đại thọ Diêm-phù có quả giống như cái hộc lường Ma-ni của nước Ma-già-đà. Quả ấy hái xuống, mủ nó chảy ra, màu như sữa, vị ngọt như mật.

Chư Tỳ-kheo, quả cây Diêm-phù có năm phần phát sanh lợi ích, đó là Đông, Nam, Tây, trên, dưới. Phần phương Đông thì các Càn-thát-bà ăn; phần phương Nam thì có nhân dân trong bảy tụ lạc lớn ăn: một là Bất chánh khiếu, hai là Khiếu, ba là Bất chánh thể, bốn là Hiền, năm là Thiện hiền, sáu là Lao, bảy là Thắng. Trong bảy loại tụ lạc lớn đó, có bảy ngọn núi đen: một là Thiên sương, hai là Nhất bát, ba là Tiểu cước, bốn là Hà phát, năm là Bách thiên đầu, sáu là Năng thắng, bảy là Tối thắng. Trong bảy ngọn núi ấy có bảy cái hang của bảy phạm tiên: một là Thiện nhān, hai là Thiện hiền, ba là Tiểu, bốn là Bách thiên đầu, năm là Lân vật trì, sáu là Hắc nhập, bảy là Tăng trưởng thời. Trong phần phía Tây thì Kim sí điểu ăn; phần trên thì các Dạ-xoa hư không ăn; phần dưới trong biển thì các trùng ăn.

Đến đây, có bài kệ tụng:

*Đầu nói mưa nhiều ít
Thị hiện trong cung điện
Hai việc có gió nhiều
Ở trước, các trời đi
Xe cô và thợ mang
Ánh sáng thân thể chiếu
Nghiệp bố thí trì giới.
Vầng trăng đầy và khắp
Ánh trăng lại không hiện
Có bóng do nhân gì
Các sông, các hạt giống
Cây Diêm-phù sau cùng.*

Chư Tỳ-kheo, chúng sanh thuở ban đầu, khi ăn vị đất đã giúp cho mình sống lâu ở đời. Nhưng trong bọn họ, nếu người nào ăn nhiều thì nhan sắc xấu đi, còn nếu người nào ăn ít thì sáng láng đẹp

đẽ. Ngay khi ấy, hình sắc hiện rõ nênn chúng sanh khinh chê nhau, tranh cãi đẹp xấu. Người đẹp thì sanh kiêu mạn; vì ngã mạn nên vị đất biến mất, rồi sanh màng đất sắc vị đầy đủ. Thí như hoa Yết-ni-ca-la nở, có màu sắc như vậy, lại như mật nguyên không lộn sáp, có mùi vị như vậy.

Các chúng sanh đó tụ tập lại, lo buồn khổ nã, đấm ngực kêu gào, mê loạn khốn đốn, than rằng: “Than ôi! Vị đất của ta. Than ôi! Vị đất của ta”. Thí như nay đây có vị ngon đã nếm biết rồi, khen rằng: “Ôi! Đây là vị của ta”. Chấp trước tên cũ, chẳng biết chân nghĩa. Bọn chúng sanh ấy, cũng giống như thế. Khi ấy, chúng sanh đó ăn màng đất, sống lâu ở đời. Người ăn nhiều thì nhan sắc xấu, kẻ ăn ít thì thân hình đẹp. Vì có đẹp, xấu, sinh ngã mạn lăng nhục nhau; màng đất biến mất, liền sanh dây bò, hình sắc trọn vẹn, hương vị đầy đủ. Giống như hoa Ca-lam-bà-ha nở, có sắc như vậy; cắt ra nhựa chảy, giống như mật ong không sáp... *cho đến như trước*, cùng nhau tu họp, sầu nã... cứ diễn tiến như vậy, rồi loại dây bò đó biến mất; gạo tẻ xuất hiện, chẳng do cày cấy, tự nhiên mọc lên, không có cỏ, không có vỏ, hạt gạo trong sạch, hương vị đầy đủ. Khi ấy chúng sanh ăn gạo ấy rồi, thân thể liền có mỡ, tủy, da, thịt, gân cốt, máu mủ, các mạch và hiện rõ tướng nam cǎn, nữ cǎn; tướng cǎn đã sanh, nhiễm tâm liền khởi; vì có nhiễm tâm nên luôn nhìn nhau; đã nhìn nhau rồi liền sanh ái dục; vì ái dục sanh nên ở chỗ vắng vẻ, làm việc phi phạm hạnh. Khi làm việc bất tịnh như thế, lại có các chúng sanh khác chưa làm việc như vậy thấy bảo rằng: “Các ngươi đã làm việc rất xấu xa. Tại sao làm như vậy?” Chúng sanh kia liền sanh xấu hổ, rơi vào trong các điều ác bất thiện, nên mới có danh từ “phu chủ”. Khi ấy chúng sanh kia, vì rơi vào các điều ác như thế nên đem cơm đến cho người cùng hành dâm, nói: “Có chồng rồi, có chồng rồi”. Do đó mới đặt tên là vợ.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên đó, các vị thắng nhân hạ sanh trước thấy thế gian nảy sinh việc vợ chồng cho nên họ dùng tay trái nắm lấy, dùng tay phải xô đẩy khiến rời bỏ xứ sở. Nhưng chúng sanh kia đi được hai hoặc ba tháng rồi quay về lại. Khi ấy các người còn ở đó thấy họ trở về liền dùng gậy gộc, đất gạch, ngói đá đánh ném, nói thế này: “Các ngươi hãy đi cho khuất! Các ngươi hãy đi cho khuất!”

Giống như ngày nay, khi các người con gái đi lấy chồng được ném hoa, vàng bạc, y phục và ném hoa lúa khô. Và nói lời cầu nguyện: “Xin chúc cô dâu bình an, hạnh phúc”.

Chư Tỳ-kheo, cứ lần lượt như vậy, người xưa đã làm ác như thế, thấy người đời nay cũng làm như thế. Do nhân duyên ấy, các chúng sanh ở trong cõi đời làm các việc ác. Lần lượt như thế, tạo dựng nhà cửa, để che giấu việc làm ác.

Cho nên có kệ rằng:

*Trước làm thành Chiêm bà
Sau tạo Ba-la-nại
Qua kiếp tàn sau cùng
Qui hoạch thành Vương xá.*

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên ấy, các vị thắng nhân ngày trước tạo lập các chốn thôn thành, tụ lạc, quốc ấp, vương cung, các trú xứ làm đẹp thế gian xuất hiện. Các chúng sanh đó khi làm tăng trưởng việc phi pháp thì có chúng sanh khác, phước nghiệp hết, từ trời Quang âm xả thân xuống, nhập vào thai mẹ.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên này, những vị Thánh nhân thuở trước sanh trước ở thế gian, phước lực của họ còn dư nên không cần cày cấy mà tự nhiên có gạo tẻ xuất hiện. Nếu cần dùng, vào buổi sáng lấy, thì buổi chiều liền sanh lại; buổi chiều lấy thì sáng sanh lại, cùng một giống lúa chín. Nếu không lấy thì vẫn còn như cũ. Khi ấy chúng sanh, vì phước mỏng dần lười biếng, nhác nhởm, sanh tâm tham lam, nghĩ như thế này: “Loại gạo tẻ này đây không cần phải cày cấy, có khó nhọc gì đâu mà vào buổi sáng, buổi chiều đều lấy riêng rẻ thì chỉ thêm mệt. Nay ta nên lấy luôn một lần”. Nghĩ thế, bèn lấy luôn một lần. Khi ấy các chúng sanh khác rủ người kia: “Giờ ăn đã đến, hãy cùng đi lấy gạo tẻ”. Người kia đáp: “Tôi đã lấy một lần cho cả buổi sáng buổi chiều rồi, lấy để dành cho bữa đến. Các ngươi muốn đi thì có thể tự đi đi”. Các người kia nghĩ: “Bọn chúng sanh này làm hay, gọn nhẹ, cùng lấy một lúc cả hai bữa sáng chiều. Ta nay cũng có thể lấy luôn một lần cho cả hai, ba ngày”. Nghĩ rồi, làm liền. Bấy giờ lại có chúng sanh khác đến rủ chúng sanh đó: “Chúng ta hãy cùng đi lấy gạo tẻ!” Chúng sanh đó đáp: “Tôi đã lấy

trước đủ phần ăn cho ba ngày rồi. Các ngươi đi đi!” Chúng sanh ấy nghe rồi lại nghĩ: “Người này rất khôn. Ta cũng nên lấy cùng một lúc phần ăn của bốn, năm ngày”. Vì do tích trữ, nên khi ấy gạo tẻ liền sanh vỗ trấu, bọc hạt gạo bên trong. Khi bị cắt thì không mọc lại nữa, chỗ chưa cắt thì vẫn còn nguyên. Ruộng lúa lúc đó liền được phân chia, cây cỏ mới mọc. Khi ấy chúng sanh tụ tập lại, sầu than khóc lóc, họ bảo nhau: “Ta nhớ thuở xưa, thân sanh do ý, dùng niềm vui làm thức ăn, có ánh sáng tự nhiên, bay đi trên không tự tại, thần sắc đẹp đẽ, thọ mạng lâu dài. Nhưng vì chúng ta mà bỗng sanh vị đất, sắc hương vị đầy đủ, ăn vào sống lâu. Người nào ăn nhiều thì thân thể thô xấu, người ăn ít thì nhan sắc vẫn đẹp. Vì tranh đẹp xấu nên khởi tâm kiêu mạn, trở nên khác biệt. Vì lẽ đó mà vị đất diệt mất. Kế sanh loại màng đất, tiếp sanh loại dây bò, rồi sanh gạo tẻ, cho đến lúa, cắt rồi chẳng mọc, không cắt còn nguyên. Vì vậy cho nên thành ra cây mọc có sự phân chia. Nay đây, chúng ta cần phải chia thành khu vực, phân ra ranh giới và đặt ra hình phạt. Phần kia là của anh; đây là phần của tôi. Ai xâm lấn thì bị phạt”.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên này, thế gian mới có danh từ ranh giới, hình phạt xuất hiện.

Bấy giờ riêng có một chúng sanh tiếc lúa của mình, trộm lúa kẻ khác. Các người khác thấy liền bảo người ấy rằng: “Người kia, người làm ác! Người làm ác! Tại sao có lúa rồi lại lấy trộm lúa người khác? Đừng làm như thế nữa!”, trách rồi thả đi. Nhưng chúng sanh kia lại tái phạm, cũng trách rồi thả đi. Đến ba lần như vậy, vẫn không hối cải, nên bị nói nặng lời quở trách, dùng tay đánh vào đầu, dẫn đến chỗ đám đông, nói với mọi người: “Người này lấy trộm của người khác”. Nhưng chúng sanh ấy, ở trước đám đông, chống chế cãi lại, nói với mọi người: “Chúng sanh này dùng lời thô ác mạ nhục tôi, dùng tay đánh tôi”. Khi ấy mọi người tụ tập lo sầu, buồn khóc kêu la: “Chúng ta ngày nay, đến tình trạng này là bị rơi vào chỗ ác. Chúng ta đã làm phát sanh pháp ác bất thiện, gây ra các phiền não, làm tăng trưởng khổ quả sanh, già ở đời vị lai, sẽ hướng đến đường ác. Hiện tại chứng kiến việc dùng tay níu kéo, xua đuổi nhau, trách mắng nhau. Nay chúng ta nên tìm cầu người thủ hộ công minh, tôn làm chủ để ai đáng bị quở trách thì chính thức quở trách; đáng bị phạt thì

chính thức phạt; đáng bị xua đuổi thì chính thức xua đuổi. Lúa gạo trên phần ruộng mà chúng ta sở hữu, ai tự thu hoạch lấy. Vị chủ thủ hộ ấy cần bao nhiêu, chúng ta cung cấp”. Mọi người cùng bàn luận với nhau như thế rồi, họ liền cùng nhau suy cử một vị thủ hộ chính thức. Bấy giờ, trong đại chúng ở nơi ấy, đặc biệt có một người cao to đẹp đẽ, đoan chính khả ái, hình dung kỳ đặc, vi diệu khả quan, thân sắc chói sáng, mọi điều hoàn hảo. Khi ấy mọi người đến bên người ấy, nói như thế này: “Quý hóa thay! Thưa ngài, xin ngài hãy vì chúng tôi mà làm thủ hộ chính thức. Ở đây, chúng tôi đều có ranh giới ruộng đất, ngài đừng để xâm lấn nhau. Ai đáng la mắng thì chính thức la mắng, đáng trách thì chính thức trách... *cho đến* phạt... đáng đuổi thì chính thức đuổi. Ngài khỏi phải cày cấy. Lúa gạo mà chúng tôi thu hoạch được sẽ chia cho ngài, không để ngài bị thiếu”. Người kia nghe rồi, liền nhận lời, làm chủ chính thức; mắng, trách, phạt, xua đuổi công bình chính trực, không có sự xâm lấn. Mọi người thu hoạch lúa, đem đến cung cấp, không để gián đoạn, thiếu hụt. Cứ theo cách thức như thế, tôn làm điền chủ. Vì lấy phần đất từ trong ruộng lúa của dân chúng nên nhân đó đặt tên là Sát-đế-lợi (đời Tùy dịch là Điền chủ). Khi ấy dân chúng đều vui mừng, y theo lời răn bảo mà làm. Vị Sát-đế-lợi kia, trong việc phụng sự cho mọi người, khôn ngoan khéo léo; ở giữa mọi người, tướng tốt hơn hết, vì vậy được gọi là vua. Mọi người tôn là vua Đại Bình Đẳng, vì vậy gọi là Ma-ha Tam-ma-đa (Tùy gọi là vua Đại Chúng Bình Đẳng).

Chư Tỳ-kheo, khi vị Đại Bình Đẳng này làm vua thì mọi người nhân đó mới có tên là Tát-đa-bà (Tùy gọi là Chúng sanh).

Chư Tỳ-kheo, vua Đại Bình Đẳng có con tên là Hô-lô-giá (Tùy dịch là Ý Hỷ).

Chư Tỳ-kheo, khi Ý Hỷ làm vua, mọi người tôn xưng là Hà-di-ma-ha (Tùy dịch là Kim Giả).

Chư Tỳ-kheo, vua Ý Hỷ có con tên là Ha-lê-da (Tùy dịch là Chánh Chân).

Chư Tỳ-kheo, khi Chánh Chân làm vua, mọi người tôn xưng là Đế-la-xà (Tùy dịch là Ô-ma-sanh).

Chư Tỳ-kheo, vua Chánh Chân có con tên là Bà-la-ha-lê-da-na (Tùy dịch là Tối Chánh Chân).

Chư Tỳ-kheo, khi Tối Chánh Chân làm vua, mọi người tôn xưng là Vân Phiến.

Chư Tỳ-kheo, vua Vân Phiến có con tên là Trai Giới.

Chư Tỳ-kheo, khi Trai Giới làm vua, mọi người tôn xưng là Mộc Hĩnh.

Chư Tỳ-kheo, trên đỉnh đầu của vua Trai Giới tự nhiên mọc lên một bọc thịt; bọc thịt ấy sanh ra một đồng tử đẹp đẽ, đầy đủ ba mươi hai tướng. Vừa sanh ra đã nói: “Trì giới”. Vì vua sanh ra từ đỉnh đầu ấy, đầy đủ thần thông, rất có oai lực, thống lãnh bốn châu, trị hóa tự tại.

Chư Tỳ-kheo, sáu vị vua này thọ mạng vô lượng.

Chư Tỳ-kheo, từ đùi về bên phải của vị vua sanh từ đỉnh đầu ấy, mọc ra một bọc thịt, rồi sanh một đồng tử đẹp đẽ hoàn toàn cũng có ba mươi hai tướng, tên là Hữu Bẽ Sanh, cũng có oai lực thống trị bốn châu lớn. Bên đùi về trái của vua Hữu Bẽ mọc ra một bọc thịt, sanh một đồng tử, cũng có ba mươi hai tướng, tên là Tả Bẽ Sanh đầy đủ oai lực cai trị ba châu lớn. Từ bọc thịt ở đầu gối bên phải của vua Tả Bẽ ấy sanh một đồng tử, oai đức và tướng tốt như trên, cai trị hai đại châu. Từ đầu gối bên trái của vua Hữu Tất ấy sanh một đồng tử, oai đức và tướng tốt như trước, thống lĩnh một châu lớn.

Chư Tỳ-kheo, từ đây về sau, có vua Chuyển luân đều thống lãnh một châu.

Chư Tỳ-kheo, tuần tự như thế, lúc ban đầu dân chúng tôn lập vua Đại Bình Đẳng, kế đến là vua Ý Hỷ; tiếp theo là vua Chánh Chân; kế tiếp là vua Tối Chánh Chân, vua Trai Giới, vua Đảnh Sanh, vua Hữu Bẽ, vua Tả Bẽ, vua Hữu Tất, vua Tả Tất, vua Dī Thoát, vua Dī Dī Thoát, vua Thể Giả, vua Thể Vị, vua Quả Báo Xa, vua Hải, vua Đại Hải, vua Xà-câu-lê, vua Đại Xà-câu-lê, vua Mâu Thảo, vua Biệt Mâu Thảo, vua Thiện Hiền, vua Đại Thiện Hiền, vua Tương Ái, vua Đại Tương Ái, vua Khiếu, vua Đại Khiếu, vua Ni-lê-ca, vua Na-cù-sa, vua Lang, vua Hải Phồn, vua Kim Cang Tý, vua Sàng, vua Sư Tử Nguyệt, vua Na-gia-đê, vua Biệt Giả, vua Thiện Phước Thủ y, vua Nhiệt Nǎo, vua Tác Quang, vua Khoáng Giả, vua Tiểu Sơn, vua Sơn Giả, vua Diệm Giả, vua Xí Diệm.

Chư Tỳ-kheo, từ vua Xí Diệm ấy, con cháu nối nhau, có một

trăm lẻ một đời, đều ở thành Bô-đa-la trị hóa thiên hạ. Vua cuối cùng tên là Hàng Oán; vì có thể hàng phục các giặc oán nên gọi là Hàng Oán.

Chư Tỳ-kheo, con cháu của vua Hàng Oán đó nối tiếp nhau, ở trong thành A-du-xà trị hóa, gồm có năm vạn bốn ngàn vua. Vua cuối cùng tên là Nan Thắng.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Nan Thắng nối tiếp nhau ở thành Ba-la-nại trị hóa, gồm có sáu vạn ba ngàn vua. Vua sau cùng tên là Nan Khả Ý.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Nan Khả Ý nối tiếp nhau ở thành Ca-tỳ-la trị hóa, gồm có tám vạn bốn ngàn vua. Vua sau cùng tên là Phạm Đức.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Phạm Đức nối tiếp nhau ở thành Bạch tượng trị hóa, gồm có ba vạn hai ngàn vua. Vua sau cùng tên là Tượng Đức.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Tượng Đức ở thành Câu-thi-na trị hóa, gồm có ba vạn hai ngàn vua. Vua sau cùng tên là Hoắc Hương.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Hoắc Hương nối tiếp nhau ở thành Ưu-la-xà trị hóa, gồm có ba vạn hai ngàn vua. Vua cuối cùng tên là Na-già-na-thị.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Na-thị nối tiếp nhau ở thành Nan hàng phục trị hóa, gồm có ba vạn hai ngàn vua. Vua sau cùng tên là Hàng Giả.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Hàng Giả nối tiếp nhau ở thành Cát-na-cưu-già trị hóa, gồm có một vạn hai ngàn vua. Vua sau cùng tên là Thắng Quân.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Thắng Quân nối tiếp nhau ở thành Ba-ba trị hóa thiên hạ, gồm có một vạn tám ngàn vua. Vua sau cùng tên là Thiên Long.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Thiên Long nối tiếp nhau ở thành Đa-ma-lê-xà trị hóa, gồm có hai vạn năm ngàn vua. Vua cuối cùng tên là Hải Thiên.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Hải Thiên tiếp nối nhau ở lại thành Đa-ma-lê-xà trị hóa, gồm có một vạn vua. Vua cuối cùng cũng tên là Hải Thiên.

Chư Tỳ-kheo, sau đó, con cháu vua Hải Thiên nối tiếp nhau ở lại thành Đàn-đa-phú-la trị hóa, gồm có một vạn tám ngàn vua. Vua cuối cùng tên là Thiện ý; con cháu nối tiếp nhau ở thành lớn Vương xá trị hóa, gồm có hai vạn năm ngàn vua. Vua sau cùng tên là Thiện Trị Hóa.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Thiện Trị Hóa nối tiếp nhau trở lại ở thành Ba-la-nại trị hóa, gồm có một ngàn một trăm vua. Vua sau cùng tên là Đại Đế Quân.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Đại Đế Quân nối tiếp nhau ở thành lớn Mao chủ trị hóa, gồm có tám vạn bốn ngàn vua. Vua sau cùng lại có tên là Hải Thiên.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Hải Thiên nối tiếp nhau trở lại ở thành Bô-đa-la trị hóa, gồm có một ngàn năm trăm vua. Vua sau cùng tên là Khổ Hạnh.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Khổ Hạnh nối tiếp nhau trở lại ở thành lớn Mao chủ trị hóa, gồm có tám vạn bốn ngàn vua. Vua sau cùng tên là Địa Diện.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Địa Diện tiếp nối nhau trở lại thành A-du-xà trị hóa, gồm có một ngàn vua. Vua sau cùng tên là Trì Địa.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Trì Địa nối tiếp nhau trở lại thành lớn Ba-la-nại trị hóa, gồm có tám vạn vua. Vua sau cùng tên là Địa Chủ.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Địa Chủ nối tiếp nhau ở thành Mị-di-la trị hóa, gồm có tám vạn bốn ngàn vua. Vua sau cùng tên là Đại Thiên.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Đại Thiên nối tiếp nhau ở thành lớn Mị-di-la trị hóa, gồm có tám vạn bốn ngàn vua Sát-đế-lợi. Tất cả vua đó đều ở trong rừng Am-bà-la thuộc thành Mị-di-la kia tu hành phạm hạnh. Vua sau cùng tên là vua Ni-mị, kế đến là vua Một, rồi đến vua Kiên Tề, vua Kha-nô, vua Ưu-ba, vua Nô-ma, vua Thiện Kiến, vua Nguyệt Kiến, vua Văn Quân, vua Pháp Quân, vua Hàng Phục, vua Đại Hàng Phục, vua Cánh Hàng, vua Vô Ưu, vua Trù Ưu, vua Kiên Tiết, vua Vương Tiết, vua Ma-la, vua Lâu-na, vua Phương Chủ, vua Trần Giả, vua Ca-la, vua Nan-đà, vua Cảnh Diện, vua Sanh Giả, vua Hộc Lãnh, vua Thực Âm, vua Khiêu Thực, vua Nan Hàng, vua Nan

Thắng, vua An Trú, vua Thiện Trú, vua Đại Lực, vua Lực Đức, vua Kiên Hành.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Kiên Hành nối tiếp nhau ở thành Ca-xà-bà-ba trị hóa, gồm có bảy vạn năm ngàn vua. Vua sau cùng tên là Am-bà-lê-sa.

Chư Tỳ-kheo, con của vua Lê-sa tên là Thiện Lập.

Chư Tỳ-kheo, con cháu vua Thiện Lập tiếp nối nhau ở thành lớn Ba-la trị hóa, gồm có một ngàn một trăm vua. Vua sau cùng tên là Chỉ-lê-kỳ.

Chư Tỳ-kheo, bấy giờ có Đức Ca-diếp Như Lai, A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xuất hiện thế gian. Khi ấy Bồ-tát tu hành phạm hạnh sanh lên cõi trời Đầu-suất.

Con của vua Chỉ-lê-kỳ tên là Thiện Sanh, con cháu nối tiếp nhau trở lại thành Bô-đa-la trị hóa, gồm có một trăm lẻ một vua. Vua sau cùng tên là Nhī. Vua Nhī có hai người con, một tên là Cù-đàm, hai tên là Bà-la-đọa-xà. Vua ấy có một người con tên là Cam Giá Chủng.

Chư Tỳ-kheo, con cháu của Cam Giá Chủng nối tiếp nhau trở lại thành Bô-đa-la trị hóa, gồm có một trăm lẻ một vua Cam Giá Chủng. Vua sau cùng tên là Bất Thiện Trưởng Cam Giá Chủng.

Chư Tỳ-kheo, vua Bất Thiện Trưởng sanh bốn người con: Một tên là Ưu-mâu-khư, hai tên là Kim Sắc, ba tên là Tự Bạch Tượng, bốn tên là Túc Cự. Con của Túc Cự tên là Thiên Thành. Con cháu của Thiên Thành tiếp nối nhau ở thành Ca-tỳ-la-bà-tô-dô trị hóa, gồm có bảy vạn bảy ngàn vua. Vua sau cùng tên là vua Quảng Xa, tiếp đến là vua Biệt Xa, rồi tiếp theo là vua Kiên Xa, vua Trụ Xa, vua Thập Xa, vua Bách Xa, vua Cửu Thập Xa, vua Tạp Sắc Xa, vua Trí Xa, vua Quảng Cung, vua Đa Cung, vua Kiêm Cung, vua Trụ Cung, vua Thập Cung, vua Bách Cung, vua Cửu Thập Cung, vua Tạp Sắc Cung, vua Trí Cung.

Chư Tỳ-kheo, vua Trí Cung sanh hai người con: Một tên là Sư Tử Giáp, hai tên là Sư Tử Túc. Sư Tử Giáp nối ngôi, sanh bốn người con: Một tên là Tịnh Phạn, hai tên là Bạch Phạn, ba tên là Hộc Phạn, bốn tên là Cam Lộ Phạn. Và sanh một người con gái tên là Bất Tử.

Chư Tỳ-kheo, vua Tịnh Phạn sanh hai người con: Một tên là

Tất-đạt-đa, hai là Nan-đà. Bạch phạn có hai con: Một là Đế-sa-đồng, hai là Nan-đề-ca. Hộc phạn có hai con: Một là A-nê-lâu-đà, hai là Bạt-đề-lê-ca. Vua Cam Lộ Phạn cũng sanh hai con: Một là A-nan-đà, hai là Đè-bà-đạt-đa. Người con gái tên là Bất Tử ấy chỉ có một con, tên là Thế-bà-la. Bồ-tát (Tất-đạt-đa) có một con, tên là La-hầu-la.

Chư Tỳ-kheo, cứ tuần tự như thế, từ vua Đại Chúng Bình Đẳng về sau, con cháu nối tiếp nhau là một chủng tộc tối thắng. Đến đồng tử La-hầu-la, ngay bản thân chứng A-la-hán, đoạn trừ phiền não, thoát khỏi sanh tử, không còn tái sanh.

Chư Tỳ-kheo, do nhân duyên ấy nên vào thuở xa xưa, có giòng Sát-lợi hơn hết xuất hiện thế gian, theo đúng như pháp, chẳng phải là bất như pháp.

Chư Tỳ-kheo, vì có pháp như thế nên dòng Sát-lợi ở thế gian là dòng tối thắng.

Bấy giờ các chúng sanh khác nghĩ thế này: “Thế gian hữu vi là bệnh hoạn, là ung nhọt, là mũi tên độc. Tư duy chín chắn rồi, xả bỏ hữu vi, ở núi đầm thanh vắng, tạo lập thảo am, tịch tĩnh thiền định; có nhu cầu gì thì vào buổi sáng, hoặc sau buổi trưa, ra khỏi thảo am, vào thôn khất thực. Mọi người trông thấy, cần gì cho nấy, rồi sắm sửa lại. Hoặc có người khen là những chúng sanh này làm thiện rất tốt, xả bỏ thế gian và các pháp ác bất thiện trong vòng luân chuyển, gọi họ là Bà-la-môn. Do nhân duyên đó, dòng Bà-la-môn xuất hiện ở thế gian. Hoặc có chúng sanh, thiền định không thành, dựa vào xóm làng, dạy nhiều chú thuật. Nhân đó được gọi là người chỉ vẽ, lại vì hay đi vào thôn xá, nên gọi là hướng tụ lạc. Lại vì thành tựu các pháp dục nên gọi là thành tựu dục. Do nhân duyên ấy nên vào thuở xa xưa, Bà-la-môn là hơn hết, dòng dõi cao quý, xuất hiện thế gian, theo đúng như pháp, chẳng phải không như pháp.

Lại có các chúng sanh khác làm đủ các thứ để kiếm lợi như các nghề kỹ năng, công xảo, nghệ thuật. Vì vậy có tên là Tỳ-xá. Do nhân duyên ấy, vào thuở xa xưa, dòng họ Tỳ-xá xuất hiện thế gian. Họ cũng như pháp, chẳng phải không như pháp.

Chư Tỳ-kheo, ba chủng tánh này sanh ở thế gian rồi, về sau lại có chủng tánh thứ tư xuất hiện ở thế gian.

Chư Tỳ-kheo, lại có một hạng người tự chán chê sự bó buộc của

gia đình, cắt bỏ râu tóc, thân khoát ca-sa, xả bỏ thế gian, xuất gia tu đạo, tự xưng “Ta là Sa-môn”. Họ tự xưng như thế rồi liền thành chánh nguyên Bà-la-môn.

Trong dòng dõi Tỳ-xá cũng vậy, lại có hạng người, cũng chán chê như trước, bỏ nhà xuất gia, tự xưng “Ta sẽ làm Sa-môn”, vì họ có chánh nguyên như thế.

Chư Tỳ-kheo, lại có một hạng người trong dòng dõi Sát-lợi, thân khẩu ý làm việc ác; vì làm ác, khi thân hoại mạng chung hoàn toàn chịu khổ. Dòng Bà-la-môn và Tỳ-xá... cũng như vậy.

Lại có người trong dòng Sát-lợi, vì thân, khẩu, ý làm hạnh lành, nên khi thân hoại mạng chung, hoàn toàn hưởng sự an vui. Dòng Bà-la-môn và Tỳ-xá cũng vậy.

Chư Tỳ-kheo, lại có người trong dòng Sát-lợi, vì thân, khẩu, ý làm hai hạnh nên khi thân hoại mạng chung, họ khổ và vui, Bà-la-môn, Tỳ-xá cũng vậy.

Chư Tỳ-kheo, lại có người dòng Sát-lợi, chánh tín xuất gia tu tập, chứng ba mươi bảy phẩm trợ đạo, dứt hết các lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, hiện tại thấy pháp chứng pháp, đắc các thần thông. Đã tác chứng rồi, tự xướng lên: “Ta, sự sanh đã hết, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không thọ sanh nữa”. Dòng Bà-la-môn, Tỳ-xá cũng vậy.

Chư Tỳ-kheo, hạng người sanh trong ba chủng tánh này cũng có khả năng thành tựu minh, hạnh đầy đủ, đắc A-la-hán, gọi là tối thắng.

Chư Tỳ-kheo, Phạm vương Ta-ha-ba-để, khi xưa ở nước ta, nói kệ thế này:

*Sát-lợi dòng hơn hết
Nếu rời các chủng tánh
Thành tựu đủ minh, hạnh
Họ hơn trời và người.*

Chư Tỳ-kheo, Phạm vương Ta-ha-ba-để khéo tụng kệ ấy, chẳng phải là chẳng khéo. Ta đã ấn khả.

Chư Tỳ-kheo, Ta, Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác cũng nói nghĩa này.

Chư Tỳ-kheo, cứ lần lượt như vậy, Ta nói đủ về sự chuyển thành, chuyển hoại, chuyển trụ của thế gian.

Chư Tỳ-kheo, nếu có vị thầy vì các Thanh văn, dạy điều cần làm, thương yêu, lợi ích, thực hiện từ bi, thì Ta đã làm xong. Các thầy nên nương theo.

Chư Tỳ-kheo, các thầy, tại nơi núi rừng thanh vắng, dưới gốc cây, nơi phòng trống, chốn tịnh thất, chỗ hang núi, hoặc bãi tha ma, dùng cỏ tranh... làm am thất cư trú; rời bỏ thôn xóm, làng mạc, ở tại những chỗ như thế. Các thầy phải tu tập thiền định, chờ rơi vào phóng dật, đừng để về sau phải hối hận.

Chư Tỳ-kheo, đó là lời giáo huấn của Ta.

Phật thuyết kinh xong, các Tỳ-kheo... hoan hỷ phụng thành.



**LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 2**

**BỘ A-HÀM
II**

Tổng giám tu: **Thích Tịnh Hạnh**

Ban thực hiện:

- Thích Tuệ Sỹ
- Thích Chánh Lạc
- Thích Tịnh Diệu
- Thích Tâm Hạnh
- Thích Tâm Khanh

NƠI XUẤT BẢN VÀ TỔNG PHÁT HÀNH
LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH và PHẬT QUANG ĐẠI TÙ DIỄN

Linh sơn Cultural and Educational Foundation

- Địa chỉ: 3F., 7F., 21, Sec.1, Chung Hsiao W.Rd.
Taipei, Taiwan, 100, R.O.C.
- E-mail: linhson@ tpts5.seed.net.tw
- http://www.linhson.org.tw
- Điện thoại: 886-2-2381-4434, 2361-3015, 2361-3016
- Fax: 886-2-2314-1049
- Điện thoại riêng của Hòa thượng Tịnh Hạnh: 886-2-2663-2992
- Dùng CHECK hoặc MONEY ORDER, xin đề Li Kuang Lien, gởi theo hộp thư: P.O.BOX 8-264, Taipei, Taiwan, 100, R.O.C.
- Nếu gởi ngân khoản nhiều, xin đề:
CITIBANK, N.A., 52. Sec.4 Min Sheng E. Rd., Taipei, Taiwan.

BENEFICIARY: Li Kuang Lien

ACCOUNT NUMBER: 51362724

(Vì khi gởi một lần tiền, thì bị ngân hàng khấu trừ chi phí thủ tục US\$7.00)

*** Tại VIỆT NAM, xin liên lạc:**

Đạo hữu NGUYÊN HUỆ

Chùa Pháp bảo, 5/161 Xa lộ Hà nội, P. Linh trung, Q. Thủ đức, TP. HCM, Việt Nam

Điện thoại/ Fax: 84-8-8961900

Ngân khoản xin đề: Lê Quang Liên (Thích Tịnh Hạnh)

Số tài khoản: 8302 0405c (Tiền Việt)

Sở giao dịch II NHĐTPTVN, Tp.HCM số 117, Nguyễn Huệ, Q.1, Tp. HCM

*** Tại HOA KỲ và CANADA, xin liên lạc:**

VÕ THẮNG TIẾT – VĂN NGHỆ

9351 Bolsa Ave., Westminster, CA. 92683, U.S.A.

Điện thoại: (714) 934-8574. Fax: (714) 934-8514.

*** Tại CHÂU ÂU, xin liên lạc:**

VAN TUYET (Sư cô Thích nữ Trí Minh)

Chùa Linh sơn, 146, Rue de Belfort, 68200, Mulhouse, FRANCE.

Điện thoại: (03) 89-42-25-80 (nếu ngoài Pháp, xin gọi: (3) 89-42-25-80.

*** Tại ÚC ĐẠI LỢI, xin liên lạc:**

TANG NHI (Sư cô Thích nữ Trí Lưu)

Chùa Linh sơn, 89, Rowe Tce, Darra, KLD, 4076, AUSTRALIA.

Điện thoại: (073) 375-4268 (nếu ngoài Úc, xin gọi: (73) 375-4268).

Xin Quý Vị chú ý:

- Nếu Quý vị gởi tiền qua ngân hàng Hoa Kỳ (Citibank) tại Đài Loan để thỉnh Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh hay Phật Quang Đại Từ Diển, đồng thời xin vui lòng gởi thư cho tôi được rõ, chứ ngân hàng không cho biết chi tiết.
- Tiền chuyên chở, xin hỏi nơi phát hành của mỗi địa phương.

Xin đa tạ!

Sa môn Thích Tịnh Hạnh